



UN-REDD
PROGRAMME

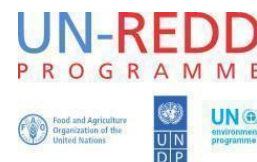


BÁO CÁO TỔNG KẾT

THAM VẤN TRIỂN KHAI SÁNG KIẾN LIÊN MINH GIẢM PHÁT THẢI THÔNG QUA TĂNG CƯỜNG TÀI CHÍNH LÂM NGHIỆP (LEAF) VÀ TÀI LIỆU ĐĂNG KÝ TREES



Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

I. BỐI CẢNH VÀ MỤC TIÊU.....	1
II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỘI THẢO THAM VẤN.....	1
III. KẾT QUẢ TỔ CHỨC HỘI THẢO.....	2
3.1. Thời gian, địa điểm tổ chức, thành phần tham dự và nội dung chuỗi Hội thảo	2
3.1.1. Thời gian, địa điểm tổ chức, và thành phần tham dự Hội thảo tham vấn cấp xã	2
3.1.2. Thời gian, địa điểm tổ chức, và thành phần tham dự Hội thảo tham vấn cấp cấp huyện.....	4
3.1.3. Thời gian, địa điểm tổ chức, và thành phần tham dự Hội thảo tham vấn cấp tỉnh.....	8
3.2. Tóm tắt kết quả Hội thảo	11
3.2.1. Kết quả tham vấn cấp xã	11
3.2.2. Kết quả tham vấn cấp huyện	19
3.2.3. Kết quả tham vấn cấp tỉnh.....	39
PHỤ LỤC	55
PHỤ LỤC 1: CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO CÁC CẤP	55
PHỤ LỤC 2: PHỤ LỤC HÌNH ẢNH.....	57



DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1. Thời gian và địa điểm tổ chức Hội thảo tham vấn cấp xã	2
Bảng 3.2. Số lượng và thành phần đại biểu tham dự Hội thảo tham vấn cấp xã	3
Bảng 3.3. Thời gian và địa điểm tổ chức Hội thảo tham vấn cấp huyện	5
Bảng 3.4. Số lượng và thành phần đại biểu tham dự Hội thảo tham vấn cấp huyện	7
Bảng 3.5. Thời gian và địa điểm tổ chức Hội thảo tham vấn cấp tỉnh	8
Bảng 3.6. Số lượng và thành phần đại biểu tham dự Hội thảo tham vấn cấp tỉnh	10
Bảng 3.7. Tóm tắt kết quả tham vấn về cơ chế giải quyết khiếu nại/hòa giải tại Hội thảo tham vấn cấp xã	11
Bảng 3.8. Tóm tắt kết quả tham vấn về lập kế hoạch quản lý bảo vệ rừng tại Hội thảo tham vấn cấp xã	13
Bảng 3.9. Kết quả tham vấn về việc quản lý, ký hợp đồng bảo vệ rừng giữa chủ rừng và cộng đồng tại Hội thảo tham vấn cấp xã	15
Bảng 3.10. Kết quả tham vấn về việc hiệu của chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Hội thảo tham vấn cấp xã	17
Bảng 3.11. Tóm tắt kết quả tham vấn về nội dung Đảm bảo an toàn (Safeguards) tại Hội thảo tham vấn cấp huyện	19
Bảng 3.12. Tóm tắt kết quả tham vấn về Các tiêu chí điều phối từ cấp tỉnh xuống các chủ rừng tại Hội thảo tham vấn cấp huyện	22
Bảng 3.13. Tóm tắt kết quả tham vấn về Phương án chia sẻ lợi ích được lựa chọn tại Hội thảo tham vấn cấp huyện	24
Bảng 14. Tóm tắt kết quả tham vấn về Tiêu chí lựa chọn cộng đồng/hoạt động ưu tiên hỗ trợ tại Hội thảo tham vấn cấp huyện	27
Bảng 3.15. Tóm tắt kết quả tham vấn về công tác kiểm tra giám sát tại Hội thảo tham vấn cấp huyện	29
Bảng 3.16. Tóm tắt kết quả tham vấn về cơ chế giải quyết khiếu nại tại Hội thảo tham vấn cấp huyện	32
Bảng 3.17. Tóm tắt kết quả tham vấn về nội dung Đảm bảo an toàn (các Nguyên tắc SAFEGUARDS) tại các Hội thảo tham vấn cấp tỉnh	39
Bảng 3.18. Tóm tắt kết quả tham vấn về Phương án chia sẻ lợi ích được lựa chọn tại các Hội thảo tham vấn cấp tỉnh	44
Bảng 3.19. Tóm tắt kết quả tham vấn về Tiêu chí điều phối nguồn thu từ quỹ Trung ương về quỹ Tỉnh tại Hội thảo tham vấn cấp tỉnh	47
Bảng 3.20. Tóm tắt kết quả tham vấn về Tiêu chí khoán và chi trả tại Hội thảo cấp tỉnh	49
Bảng 3.21. Tóm tắt kết quả tham vấn về Cơ chế giải quyết khiếu nại/hòa giải tại Hội thảo tham vấn cấp tỉnh	51

I. BỐI CẢNH VÀ MỤC TIÊU

Cục Lâm nghiệp được Bộ Nông nghiệp và PTNT giao chủ trì xây dựng Thỏa thuận mua bán giảm phát thải từ rừng khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (ERPA) gồm các tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận để triển khai Ý định thư giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT và Tổ chức Tăng cường tài chính lâm nghiệp (Emergent), thiết lập hợp tác giữa Việt Nam và Liên minh giảm phát thải và tăng cường tài chính lâm nghiệp (LEAF).

Để tiến hành xây dựng và đàm phán ERPA, Cục Lâm nghiệp phối hợp với Chương trình UN-REDD (FAO và UNEP) xây dựng hồ sơ đăng ký TREES, bao gồm: Tài liệu đăng ký TREES và báo cáo giám sát kết quả giảm phát thải năm 2021, 2022 vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cho Ban Thư ký ART (Cơ quan quản lý Tiêu chuẩn TREES, là tiêu chuẩn áp dụng cho LEAF).

Theo quy trình của TREES và sáng kiến LEAF, Cục Lâm nghiệp cần tiến hành tham vấn các cấp từ địa phương đến trung ương để giới thiệu về sáng kiến LEAF và tiêu chuẩn TREES, và các ý kiến góp ý tại các hội thảo tham vấn này sẽ được xem là thông tin đầu vào cho Tài liệu đăng ký TREES và Báo cáo giám sát về kết quả giảm phát thải năm 2021, 2022 của vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Cục Lâm nghiệp sẽ phối hợp với Chương trình UN-REDD, Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND huyện, xã các tỉnh tổ chức các Hội thảo tham vấn các cấp.

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỘI THẢO THAM VẤN

- Trình bày về Liên minh Giảm phát thải thông qua tăng cường tài chính cho rừng (LEAF), đề xuất tham gia LEAF, và các yêu cầu của Tiêu chuẩn ART/TREES.

- Trình bày về các nội dung kỹ thuật chủ yếu của dự thảo Tài liệu đăng ký TREES lần thứ nhất, bao gồm các nội dung:

- Trình bày về Khung pháp lý và Cơ chế chia sẻ lợi ích;
- Trình bày về các nguyên tắc Bảo đảm an toàn ART/TREES và thảo luận nhóm về các chủ đề được trình bày;
- Trình bày về tính toán kết quả Giảm phát thải/MRV;
- Thảo luận nhóm về các chủ đề được trình bày.

- Thảo luận chung và xin ý kiến góp ý của các bên liên quan từ cấp địa phương đến trung ương về các nội dung của Tài liệu đăng ký TREES và Báo cáo kết quả giảm phát thải năm 2021, 2022 của vùng Tây Nguyên và Nam Trung Bộ.

III. KẾT QUẢ TỔ CHỨC HỘI THẢO

3.1. Thời gian, địa điểm tổ chức, thành phần tham dự và nội dung chuỗi Hội thảo

3.1.1. Thời gian, địa điểm tổ chức, và thành phần tham dự Hội thảo tham vấn cấp xã

- Số lượng: 10 Hội thảo.

- Thời gian thực hiện: Tháng 10 - 11/2023.

- Địa điểm: Tại 10 xã thuộc 10 huyện của 10 tỉnh vùng Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (Bảng 3.1).

Bảng 3.1. Thời gian và địa điểm tổ chức Hội thảo tham vấn cấp xã

TT	Tỉnh	Huyện	Xã tham vấn	Thời gian tổ chức	Chuyên gia
1	Lâm Đồng	Lạc Dương	Đạ Chais	Thứ 6, 13/10	- TS. Dương Thị Bích Ngọc - ThS. Nguyễn Thị Bích Hào - ThS. Nguyễn Thị Tiến - Chuyên gia UN-REDD
2	Đắk Lắk	Buôn Đôn	Krông Na	Thứ 5, 19/10	- PGS.TS. Bùi Xuân Dũng - TS. Lê Hùng Chiến - TS. Vũ Văn Trường - Chuyên gia UN-REDD
3	Gia Lai	Mang Yang	Kon Chieng	Thứ 4, 18/10	- TS. Dương Thị Bích Ngọc - ThS. Nguyễn Thị Bích Hào - ThS. Nguyễn Thị Tiến - Chuyên gia UN-REDD
4	Kon Tum	Kon Plông	Hiếu	Thứ 4, 18/10	- PGS. TS. Lê Xuân Trường - TS. Nguyễn Trọng Minh - TS. Lê Nguyên Khang - Chuyên gia UN-REDD
5	Quảng Ngãi	Ba Tơ	Ba Trang	Thứ 2, 23/10	- TS. Nguyễn Đình Hải - ThS. Nguyễn Thị Tiến - ThS. Trần Thị Yến - Chuyên gia UN-REDD
6	Bình Định	Vĩnh Thạnh	Vĩnh Sơn	Thứ 4, 25/10	- PGS.TS. Bùi Xuân Dũng - TS. Lê Hùng Chiến - TS. Vũ Văn Trường - Chuyên gia UN-REDD

7	Phú Yên	Sơn Hòa	Sơn Phước	Thứ 3, 24/10	- PGS. TS. Lê Xuân Trường - TS. Nguyễn Trọng Minh - TS. Lê Nguyên Khang - Chuyên gia UN-REDD
8	Đắk Nông	Đắk Glong	Đắk Som	Thứ 4, 01/11	- TS. Nguyễn Đình Hải - ThS. Nguyễn Thị Tiến - ThS. Trần Thị Yến - Chuyên gia UN-REDD
9	Ninh Thuận	Ninh Sơn	Lâm Sơn	Thứ 4, 8/11	- PGS. TS. Lê Xuân Trường - TS. Nguyễn Trọng Minh - TS. Lê Nguyên Khang - Chuyên gia UN-REDD
10	Khánh Hoà	Khánh Vĩnh	Khánh Phú	Thứ 5, 9/11	- TS. Nguyễn Đình Hải - ThS. Nguyễn Thị Tiến - ThS. Trần Thị Yến - Chuyên gia UN-REDD

- Thành phần tham dự Hội thảo tham vấn cấp xã

+ Chủ trì: Ủy ban nhân dân xã và Chương trình UN-REDD Việt Nam.

+ Thành phần: Mỗi Hội thảo được tổ chức với sự tham gia của 13-20 đại biểu, bao gồm: đại diện Chương trình UN REDD, Hạt kiểm lâm huyện, UBND xã, đại diện ban quản lý một số khu rừng phòng hộ và vườn quốc gia trong xã, Trưởng các thôn, buôn, và đại diện các nhóm hộ và cộng đồng dân cư địa phương. Tổng số đại biểu tham dự 10 hội thảo cấp xã là **181** đại biểu, số đại biểu tham dự là người dân tộc thiểu số là **142** (chiếm 78.5%), số đại biểu là nam giới là **154** (chiếm 85.1%), nữ giới là **27** (chiếm 14.9%) (Bảng 3.2).

Bảng 3.2. Số lượng và thành phần đại biểu tham dự Hội thảo tham vấn cấp xã

TT	Tỉnh	Xã	Tổng số đại biểu	Số đại biểu là người dân tộc thiểu số		Số đại biểu là nam giới		Số đại biểu là nữ giới	
				Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Lâm Đồng	Đạ Chais (<i>huyện Lạc Dương</i>)	21	15	71.4%	19	90.5%	2	9.5%

2	Đắk Lắk	Krông Na (<i>huyện Buôn Đôn</i>)	13	12	92.3%	11	84.6%	2	15.4%
3	Gia Lai	Kông Chiêng (<i>huyện Mang Yang</i>)	15	14	93.3%	14	93.3%	1	6.7%
4	Kon Tum	Hiếu (<i>huyện Kon Plông</i>)	20	16	80.0%	14	70.0%	6	30.0%
5	Quảng Ngãi	Ba Trang (<i>huyện Ba Tơ</i>)	20	18	90.0%	18	90.0%	2	10.0%
6	Bình Định	Vĩnh Sơn (<i>huyện Vĩnh Thạnh</i>)	22	14	63.6%	21	95.5%	1	4.5%
7	Phú Yên	Sơn Phước (<i>huyện Sơn Hòa</i>)	19	12	63.2%	13	68.4%	6	31.6%
8	Đắk Nông	Đắk Som (<i>huyện Đắk Glong</i>)	15	13	86.7%	14	93.3%	1	6.7%
9	Ninh Thuận	Lâm Sơn (<i>huyện Ninh Sơn</i>)	20	16	80.0%	20	100.0%	0	0.0%
10	Khánh Hoà	Khánh Phú (<i>huyện Khánh Vĩnh</i>)	16	12	75.0%	10	62.5%	6	37.5%
	Tổng		181	142	78.5%	154	85.1%	27	14.9%

3.1.2. Thời gian, địa điểm tổ chức, và thành phần tham dự Hội thảo tham vấn cấp cấp huyện

- **Số lượng:** 30 Hội thảo.

- **Thời gian thực hiện:** Tháng 10 - 11/2023.

- **Địa điểm:** Tại 30 huyện, xã thuộc 11 tỉnh vùng Tây Nguyên và Nam Trung Bộ
(Bảng 3.3).

Bảng 3.3. Thời gian và địa điểm tổ chức Hội thảo tham vấn cấp huyện

TT	Tỉnh	Huyện	Thời gian tổ chức	Chuyên gia
1	Lâm Đồng	Di Linh	Thứ 4, 11/10	TS. Dương Thị Bích Ngọc ThS. Nguyễn Thị Bích Hào ThS. Nguyễn Thị Tiến Chuyên gia UN-REDD
		Lâm Hà	Thứ 5, 12/10	
		Lạc Dương	Thứ 6, 13/10	
2	Đắk Lắk	Lắk	Thứ 2, 16/10	PGS.TS. Bùi Xuân Dũng TS. Lê Hùng Chiến TS. Vũ Văn Trường Chuyên gia UN-REDD
		M'Đrăk	Thứ 3, 17/10	
		Krông Bông	Thứ 4, 18/10	
		Buôn Đôn	Thứ 5, 19/10	
3	Gia Lai	Kbang	Thứ 2, 16/10	TS. Dương Thị Bích Ngọc ThS. Nguyễn Thị Bích Hào ThS. Nguyễn Thị Tiến Chuyên gia UN-REDD
		Kông Chro	Thứ 3, 17/10	
		Mang Yang	Thứ 4, 18/10	
4	Kon Tum	Sa Thầy	Thứ 2, 16/10	PGS. TS. Lê Xuân Trường TS. Nguyễn Trọng Minh TS. Lã Nguyên Khang Chuyên gia UN-REDD
		Tu Mơ Rông	Thứ 3, 17/10	
		Kon Plông	Thứ 4, 18/10	
5	Quảng Ngãi	Ba Tơ	Thứ 2, 23/10	TS. Nguyễn Đình Hải ThS. Nguyễn Thị Tiến ThS. Trần Thị Yến Chuyên gia UN-REDD
		Sơn Hà	Thứ 3, 24/10	
		Trà Bồng	Thứ 4, 25/10	
6	Bình Định	An Lão	Thứ 2, 23/10	PGS.TS. Bùi Xuân Dũng TS. Lê Hùng Chiến TS. Vũ Văn Trường Chuyên gia UN-REDD
		Hoài Ân	Thứ 3, 24/10	

		Vĩnh Thạnh	Thứ 4, 25/10	
7	Phú Yên	Tây Hoà	Thứ 2, 23/10	PGS. TS. Lê Xuân Trường TS. Nguyễn Trọng Minh TS. Lã Nguyên Khang Chuyên gia UN-REDD
		Sơn Hòa	Thứ 3, 24/10	
8	Đắk Nông	Đắk Mil	Thứ 3, 31/10	TS. Nguyễn Đình Hải ThS. Nguyễn Thị Tiến ThS. Trần Thị Yến Chuyên gia UN-REDD
		Đắk Glong	Thứ 4, 01/11	
9	Ninh Thuận	Ninh Phước	Thứ 2, 6/11	PGS. TS. Lê Xuân Trường TS. Nguyễn Trọng Minh TS. Lã Nguyên Khang Chuyên gia UN-REDD
		Ninh Hải	Thứ 3, 7/11	
		Ninh Sơn	Thứ 4, 8/11	
10	Bình Thuận	Tánh Linh	Thứ 2, 6/11	TS. Lã Nguyên Khang TS. Lê Hùng Chiến ThS. Nguyễn Thị Bích Hào Chuyên gia UN-REDD
		Hàm Thuận Nam	Thứ 3, 7/11	
11	Khánh Hoà	Khánh Vĩnh	Thứ 5, 9/11	TS. Nguyễn Đình Hải ThS. Nguyễn Thị Tiến ThS. Trần Thị Yến Chuyên gia UN-REDD
		Cam Lâm	Thứ 6, 10/11	

- Thành phần tham dự Hội thảo tham vấn cấp huyện

+ Chủ trì: Cục Lâm nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện/xã, và Chương trình UN-REDD Việt Nam.

+ Thành phần: Mỗi Hội thảo được tổ chức với sự tham gia của 32-50 đại biểu, bao gồm: đại diện Cục Lâm nghiệp, Chương trình UN REDD, chuyên gia tư vấn, Sở NN&PTNT, Chi cục Kiểm lâm tỉnh, UBND huyện, Hạt kiểm lâm huyện, UBND xã, và đại diện cộng đồng dân cư địa phương. Tổng số đại biểu tham dự 30 hội thảo cấp huyện là **1281** đại biểu, số đại biểu tham dự là người dân tộc thiểu số là **403** (chiếm 18.0%), số đại biểu là nam giới là **1050** (chiếm 82.0%), nữ giới là **231** (chiếm 17.6%) (Bảng 3.4).

Bảng 3.4. Số lượng và thành phần đại biểu tham dự Hội thảo tham vấn cấp huyện

TT	Tỉnh	Huyện	Tổng số đại biểu	Số đại biểu là người dân tộc thiểu số		Số đại biểu là nam giới		Số đại biểu là nữ giới	
				Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Lâm Đồng	Di Linh	43	15	35%	31	72%	12	28%
		Lâm Hà	45	13	29%	35	78%	10	22%
		Lạc Dương	43	22	51.2%	35	81.4%	8	18.6%
2	Đắk Lắk	Lắk	32	14	43.8%	26	81.3%	6	18.8%
		M'Đrăk	34	13	38.2%	32	94.1%	2	5.9%
		Krông Bông	36	10	27.8%	31	86.1%	5	13.9%
		Buôn Đôn	34	10	29.4%	25	73.5%	9	26.5%
3	Gia Lai	K'Bang	38	17	44.7%	34	89.5%	4	10.5%
		Krong Chro	43	20	46.5%	38	88.4%	5	11.6%
		Mang Yang	39	16	41.0%	33	84.6%	6	15.4%
4	Kon Tum	Sa Thầy	48	20	41.7%	41	85.4%	7	14.6%
		Tu Mơ Rông	47	25	53.2%	36	76.6%	11	23.4%
		Kon Plông	47	26	55.3%	40	85.1%	7	14.9%
5	Quảng Ngãi	Ba Tơ	47	21	44.7%	37	78.7%	10	21.3%
		Sơn Hà	48	15	31.3%	36	75.0%	12	25.0%
		Trà Bồng	47	20	42.6%	39	83.0%	8	17.0%
6	Bình Định	An Lão	32	11	34.4%	27	84.4%	5	15.6%
		Hoài Ân	36	4	11.1%	30	83.3%	6	16.7%
		Vĩnh Thạnh	34	6	17.6%	28	82.4%	6	17.6%
7	Phú Yên	Tây Hoà	47	0	0.0%	34	72.3%	13	27.7%
		Sơn Hòa	44	18	40.9%	29	65.9%	15	34.1%
8	Đắk Nông	Đắk Mít	46	1	2.2%	39	84.8%	7	15.2%
		Đắk Glong	48	13	27.1%	40	83.3%	8	16.7%

9	Ninh Thuận	Ninh Phước	47	13	27.7%	41	87.2%	6	12.8%
		Ninh Hải	48	7	14.6%	42	87.5%	6	12.5%
		Ninh Sơn	47	5	10.6%	34	72.3%	13	27.7%
10	Bình Thuận	Tánh Linh	50	11	22.0%	48	96.0%	2	4.0%
		Hàm Thuận Nam	48	10	20.8%	45	93.8%	3	6.3%
11	Khánh Hoà	Khánh Vĩnh	34	8	23.5%	26	76.5%	8	23.5%
		Cam Lâm	49	19	38.8%	38	77.6%	11	22.4%
	Tổng		1281	403	31.5%	1050	82.0%	231	18.0%

3.1.3. Thời gian, địa điểm tổ chức, và thành phần tham dự Hội thảo tham vấn cấp tỉnh

- Số lượng: 11 Hội thảo
- Thời gian thực hiện: Từ cuối tháng 9 đến tháng 11/2023.
- Địa điểm: Tại 11 tỉnh bao gồm Lâm Đồng, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận (Bảng 3.5).

Bảng 3.5. Thời gian và địa điểm tổ chức Hội thảo tham vấn cấp tỉnh

TT	Tỉnh	Địa điểm	Thời gian tổ chức	Cán bộ phụ trách
1	Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt	Thứ 6, 22/9	- ThS. Phan Quốc Dũng - ThS. Nguyễn Thị Bích Hào - TS. Dương Thị Bích Ngọc
2	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	Thứ 4, 11/10	- ThS. Hoàng Thị Tươi - ThS. Phan Quốc Dũng - TS. Hoàng Minh Khoa
3	Gia Lai	Thành phố Pleiku	Thứ 5, 12/10	- ThS. Hoàng Thị Tươi - ThS. Phan Quốc Dũng - TS. Hoàng Minh Khoa

4	Kon Tum	Thành phố Kon Tum	Thứ 6, 13/10	- ThS. Hoàng Thị Tươi - ThS. Phan Quốc Dũng - TS. Hoàng Minh Khoa
5	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	Thứ 4, 18/10	- ThS. Nguyễn Thị Yến - TS. Hoàng Minh Khoa - ThS. Phan Quốc Dũng
6	Bình Định	Thành phố Quy Nhơn	Thứ 5, 19/10	- ThS. Nguyễn Thị Yến - TS. Hoàng Minh Khoa - ThS. Phan Quốc Dũng
7	Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa	Thứ 6, 20/10	- ThS. Nguyễn Thị Yến - TS. Hoàng Minh Khoa - ThS. Phan Quốc Dũng
8	Đắk Nông	Thành phố Gia Nghĩa	Thứ 6, 27/10	- ThS. Hoàng Thị Tươi - ThS. Phan Quốc Dũng - ThS. Nguyễn Thị Yến
9	Khánh Hòa	Thành phố Nha Trang	Thứ 4, 01/11	- ThS. Hoàng Thị Tươi - ThS. Phan Quốc Dũng - ThS. Nguyễn Thị Yến
10	Ninh Thuận	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	Thứ 5, 02/11	- ThS. Hoàng Thị Tươi - TS. Hoàng Minh Khoa - ThS. Nguyễn Thị Yến
11	Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết	Thứ 6, 03/11	- ThS. Nguyễn Thị Yến - TS. Hoàng Minh Khoa - ThS. Phan Quốc Dũng

- Thành phần tham dự Hội thảo tham vấn cấp tỉnh

+ Chủ trì: Cục Lâm nghiệp, Sở NN&PTNT các tỉnh, và Chương trình UN-REDD.

+ Thành phần: Hội thảo được thực hiện với sự tham gia của 42 đến 57 đại biểu, bao gồm: đại diện Cục Lâm nghiệp, Chương trình UN-REDD, các chủ rừng là tổ chức, chuyên gia tư vấn, Sở NN&PTNT và các Sở ban ngành, Hội thuộc các tỉnh. Tổng số đại biểu tham dự 30 hội thảo cấp huyện là 557 đại biểu, số đại biểu tham dự là người dân tộc thiểu

số là **183** (chiếm 33%), số đại biểu là nam giới là **444** (chiếm 79.7%), nữ giới là 113 (chiếm 20.3%) (Bảng 3.6).

Bảng 3.6. Số lượng và thành phần đại biểu tham dự Hội thảo tham vấn cấp tỉnh

TT	Tỉnh	Tổng số đại biểu	Số đại biểu là người dân tộc thiểu số		Số đại biểu là nam giới		Số đại biểu là nữ giới	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Lâm Đồng	42	13	30.1%	35	83.3%	7	16.7%
2	Đắk Lắk	55	20	36.6%	44	80%	11	20%
3	Gia Lai	57	25	43.8%	47	82.4%	10	17.6%
4	Kon Tum	50	17	34%	39	78%	11	22%
5	Quảng Ngãi	51	13	25.4%	43	84.3%	8	15.7%
6	Bình Định	50	11	22%	41	82%	9	18%
7	Phú Yên	50	18	36%	38	76%	12	24%
8	Đắk Nông	52	21	40.3%	44	84.6%	8	15.4%
9	Khánh Hòa	50	17	34%	35	70%	15	30%
10	Ninh Thuận	50	21	42%	38	76%	12	24%
11	Bình Thuận	50	7	14%	40	80%	10	20%
	Tổng	557	183	33%	444	79.7%	113	20.3%

3.2. Tóm tắt kết quả Hội thảo

3.2.1. Kết quả tham vấn cấp xã

a. Phần I: Cơ chế giải quyết khiếu nại/hòa giải và lập kế hoạch quản lý bảo vệ rừng

(1) Về cơ chế giải quyết khiếu nại/hòa giải liên quan đến việc quản lý, bảo vệ rừng

Bảng 3.7. Tóm tắt kết quả tham vấn về cơ chế giải quyết khiếu nại/hòa giải tại Hội thảo tham vấn cấp xã

TT	Cơ chế giải quyết khiếu nại	Đề cập tại xã
1	- Tại địa phương có các tổ hòa giải cấp cơ sở, khi tiếp nhận được thông tin sẽ đến hòa giải với sự tham gia của các bên liên quan. - Thực hiện hòa giải thông qua đối thoại trực tiếp/bằng lời nói. <i>Đề xuất: Cần viết biên bản lưu để làm bằng chứng, làm cơ sở tránh xảy ra khiếu nại, khiếu kiện sau này.</i>	1. Đạ Chais (<i>huyện Lạc Dương¹</i>) 2. Sơn Phước (<i>huyện Sơn Hòa⁷</i>) 3. Lâm Sơn (<i>huyện Ninh Sơn¹⁰</i>)
2	- Khi có tranh chấp phát sinh sẽ thực hiện hòa giải tại Ban quản lý rừng cộng đồng của thôn. - Thực hiện họp nhóm bảo vệ rừng để công khai danh sách nhận tiền. - Các khoản tiền khoán bảo vệ rừng cần được phát trực tiếp cho các hộ gia đình nhận khoán thông qua Ban quản lý.	1. Ba Trang (<i>huyện Ba To⁵</i>) 2. Đắc Som (<i>huyện Đắc Glong⁸</i>)
3	- Cơ chế giải quyết khiếu nại/tổ cáo liên quan đến quản lý bảo vệ rừng/chi trả dịch vụ môi trường rừng dựa trên cơ chế hòa giải cơ sở, cụ thể: có ban/tổ hòa giải tiếp cận đơn từ khiếu nại/tổ cáo; có quy trình xác minh, đánh giá; có quy trình, thủ tục hòa giải. - Quá trình hòa giải đều được ghi chép, báo cáo và công bố công khai đến các đối tượng liên quan. - Hình thức công khai là qua niêm yết tại bảng tin của xã, thôn, buôn; qua các buổi họp của cộng đồng.	Krông Na (<i>huyện Buôn Đôn²</i>)

4	- Khi tham gia dự án, khi nhận được tiền hỗ trợ từ dự án, cần thống nhất với người dân về sự phân chia hợp lý, đặc biệt với những người chịu trách nhiệm chính. - Một khó khăn khác đó là việc giáp ranh với làng khác có thể dẫn tới sự khó khăn trong việc quản lý và bảo vệ rừng mà cộng đồng mình phụ trách.	Kông Chiêng (<i>huyện Mang Yang³</i>)
	- Trong cộng đồng có tổ hòa giải cấp cơ sở, người đứng đầu thường được lựa chọn là người có tiếng nói trong cộng đồng; - Khu vực giáp ranh giữa các cộng đồng còn không rõ ràng gây ra sự khó khăn trong việc quản lý và bảo vệ rừng mà cộng đồng mình phụ trách; - Tôn trọng quyền của người dân địa phương và dân tộc thiểu số. Khu vực đang triển khai các quy ước, hương ước liên quan đến quản lý và bảo vệ rừng.	Hiếu (<i>huyện Kon Plông⁴</i>)
5	- Khi có tranh chấp phát sinh sẽ thực hiện hòa giải tại thôn bản hoặc tại UBND xã.	Khánh Phú (<i>huyện Khánh Vĩnh⁹</i>)

Trong đó:

¹: Lâm Đồng

⁵: Quảng Ngãi

⁹: Khánh Hoà

²: Đắk Lắk

⁶: Bình Định

¹⁰: Ninh Thuận

³: Gia Lai

⁷: Phú Yên

¹¹: Bình Thuận

⁴: Kon Tum

⁸: Đắk Nông

Nhận xét chung: Cho tới thời điểm hiện nay, các xã tham vấn chưa phải giải quyết khiếu nại tố cáo gì lớn, nếu có thì họ cũng ưu tiên hoà giải nội bộ. Họ nhấn mạnh việc công khai minh bạch để việc giải quyết khiếu nại được công bằng. Một số người tham gia đề xuất người tổ trưởng tổ bảo vệ rừng và thư ký là những người thường phải làm nhiều hơn (ghi chép, đôn đốc thành viên tham gia, lập kế hoạch, đi họp lĩnh hội v.v...) nhưng cũng chỉ được hưởng lợi như các thành viên trong tổ (do từ đầu đã chia như vậy, và PFES đã có lịch sử hơn 10 đi vào thực hiện nên giờ rất khó thay đổi). Họ đề xuất với các dự án C-PFES sắp tới (nếu có), thì rõ ràng từ trên để họ có cơ sở đề xuất tại địa phương họ.

(2) Về lập kế hoạch quản lý bảo vệ rừng

Bảng 3.8. Tóm tắt kết quả tham vấn về lập kế hoạch quản lý bảo vệ rừng tại Hội thảo tham vấn cấp xã

TT	Phương thức lập kế hoạch quản lý bảo vệ rừng	Đề cập tại xã
1	- Xây dựng kế hoạch chi tiết và phân chia rõ ràng cho các hộ gia đình trong cộng đồng. - Có sự tham gia trực tiếp từ người dân, thông qua các cuộc họp thôn bản. - Hợp xây dựng kế hoạch với tổ trưởng và trưởng thôn. - Lập văn bản kế hoạch sau đó gửi cho các tổ viên để phân công lịch trực rõ ràng. - Kế hoạch được ghi chép lại ở sổ theo dõi. - Người dân đều được tham gia vào góp ý cho kế hoạch quản lý và bảo vệ rừng của cộng đồng mình.	1. Kông Chiêng (<i>huyện Mang Yang</i> ³) 2. Hiều (<i>huyện Kon Plông</i> ⁴) 3. Sơn Phước (<i>huyện Sơn Hòa</i> ⁷) 4. Đắc Som (<i>huyện Đắc Glông</i> ⁸) 5. Khánh Phú (<i>huyện Khánh Vĩnh</i> ⁹) 6. Lâm Sơn (<i>huyện Ninh Sơn</i> ¹⁰)
2	- Các tổ trưởng, tổ phó được mời tham gia họp xây dựng kế hoạch tuần tra bảo vệ rừng; - Thư ký tiến hành lập văn bản về kế hoạch tuần tra sau đó gửi cho các tổ viên để phân công lịch trực rõ ràng; - Tổ trưởng có trách nhiệm đôn đốc cho các hộ trực; - Nếu vào ngày đi tuần tra mà hộ gia đình có việc bận (việc chính đáng) thì cần báo để tổ trưởng báo Trạm, Trạm sẽ cử người đi tuần tra thay thế. Tuy nhiên, nếu hộ gia đình tham gia khoán có 03 buổi nghỉ không có lý do chính đáng sẽ bị thanh lý hợp đồng. Sau này, nếu gia đình thực hiện tốt thì cần viết đơn gửi lên Trạm, Trạm sẽ xem xét, tuy nhiên, Trạm sẽ ưu tiên xem xét cho hộ nghèo, cận nghèo trước.	Đạ Chais (<i>huyện Lạc Dương</i> ¹)

3	- Hàng năm, kế hoạch quản lý bảo vệ phát triển rừng được chủ rừng là VQG gửi xuống cho các cộng đồng đóng góp ý kiến (kế hoạch tuần tra, nội dung tuần tra, phương thức ...), sau đó chủ rừng sẽ tiến hành họp với các cộng đồng để nhận phản hồi, góp ý từ cộng đồng cho bản kế hoạch. - Bản kế hoạch sau đó được hoàn thiện và gửi trở lại cộng đồng cùng thực hiện. Cộng đồng sẽ tổ chức lực lượng tuần tra, bảo vệ rừng theo kế hoạch được phân công và báo cáo kết quả cho chủ rừng.	Krông Na (<i>huyện Buôn Đôn</i> ²)
4	- Việc tuần tra được thực hiện 5 lần trong vòng 1 tháng; - Cộng đồng luôn cố gắng thực hiện theo kế hoạch cấp trên giao. - Trưởng thôn có trách nhiệm tuyên truyền miệng cho bà con trong buổi sáng (khoảng 1 tiếng). <i>Đề xuất: khi có kế hoạch từ trên giao, cần mời tổ trưởng họp để thống nhất, sau đó họp với dân để thông báo tới dân biết.</i>	Kông Chiêng (<i>huyện Mang Yang</i> ³)
5	- Người dân và UBND xã đang có dự định xây dựng các kế hoạch sử dụng các nguồn lâm sản ngoài gỗ từ rừng theo hướng tập trung vào các ngành nghề truyền thống.	Sơn Phước (<i>huyện Sơn Hòa</i> ⁷)

Trong đó:

¹: Lâm Đồng

⁵: Quảng Ngãi

⁹: Khánh Hoà

²: Đắk Lắk

⁶: Bình Định

¹⁰: Ninh Thuận

³: Gia Lai

⁷: Phú Yên

¹¹: Bình Thuận

⁴: Kon Tum

⁸: Đắk Nông

Nhận xét chung: Việc lập kế hoạch bảo vệ rừng tại các xã đã và đang được thực hiện khá chuyên nghiệp. Các cộng đồng chủ động với kế hoạch tuần tra bảo vệ rừng của riêng họ, ngoài ra họ còn kết hợp tốt với lực lượng kiểm lâm địa phương. Kế hoạch được lên rõ ràng và thông báo tới thành viên tham gia bảo vệ. Phương án thay thế cũng được họ chú ý để có người thay đi tuần tra rừng. Việc ghi chép được coi trọng để đảm bảo công bằng trong việc phân chia lợi ích PFES sau đó.

b. Phần II: Hiệu quả của chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

(1) Về việc quản lý, ký hợp đồng bảo vệ rừng giữa chủ rừng và cộng đồng

Bảng 3.9. Kết quả tham vấn về việc quản lý, ký hợp đồng bảo vệ rừng giữa chủ rừng và cộng đồng tại Hội thảo tham vấn cấp xã

TT	Phương thức quản lý, ký hợp đồng bảo vệ rừng giữa chủ rừng và cộng đồng	Đề cập tại xã
1	<i>a. Tại Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim</i> - Trong Hợp đồng, các nhiệm vụ cần thực hiện bao gồm: trồng rừng, giải tỏa, và kiểm tra rừng; - Biên bản nghiệm thu rừng được thực hiện mỗi quý một lần; - Nội dung Biên bản nghiệm thu rừng gồm: biến động diện tích rừng giao khoán; - Trách nhiệm của tổ trưởng, tổ phó là: điều động, điều hành, và chăm công. <i>b. Tại Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà</i> - Hợp đồng: tuần tra bảo vệ rừng canh gác để phát hiện và ngăn chặn kịp thời mọi hành vi phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản trái phép, nguy cơ cháy rừng, hoặc các hành vi khác xâm hại tài nguyên rừng; thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng. - Các hộ ký hợp đồng theo hướng dẫn của bên A trên diện tích được khoán bảo vệ, khi phát hiện cháy rừng phải kịp thời chữa cháy. Khi phát hiện vi phạm luật lâm nghiệp thì kịp thời báo cáo cho Trạm, chính quyền địa phương. Hộ nhận khoán vi phạm thì bị thanh lý Hợp đồng, tổ trưởng tuần tra chăm công cho tổ viên đi tuần tra theo phân công của Trạm. Đồng thời, thực hiện các nghĩa vụ khác mà Trạm phân công.	Đạ Chais (huyện Lạc Dương ¹)
2	- Cộng đồng sau khi được lựa chọn sẽ được ký hợp đồng khoán bảo vệ rừng thông qua buổi họp giữa chủ rừng và cộng đồng. - Hàng năm, kế hoạch quản lý bảo vệ (tuần tra, kiểm tra, giám sát tài nguyên rừng) đều được cộng đồng tham gia ý kiến, thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch. Cuối năm có tổng kết, đánh giá hiệu quả quản lý lý bảo vệ của các cộng đồng và cá nhân trong cộng đồng để chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng. Trường hợp, cộng	Krông Na (huyện Buôn Đôn ²)

	đồng để mất và suy thoái rừng, tùy theo mức độ sẽ có chế tài xử lý khác nhau.	
	- Hàng năm sau khi xác định diện tích giao cho các cộng đồng: - Thôn tổ chức họp bầu ra ban điều hành do (Trưởng thôn hoặc Bí thư) là trưởng ban đại diện cộng đồng ký Hợp đồng với công ty; - Ban điều hành thôn cùng với đại diện công ty tổ chức họp thôn để đăng ký nhận khoán cho các hộ thành viên (dựa theo nhân khẩu). - Sau khi ký Hợp đồng thì Ban điều hành và cộng đồng chịu trách nhiệm. Khi có vấn đề xâm phạm thì phối hợp với công ty và kiểm lâm lập biên bản xử lý; - Công khai danh sách các chủ rừng và số tiền được nhận từ dự án; - Quỹ bảo vệ phát triển rừng cấp tỉnh, phòng tài chính kế hoạch huyện là các cơ quan đầu mối thực hiện việc kiểm tra giám sát công tác chi trả.	Vĩnh Sơn (huyện Vĩnh Thạnh ⁶)
3	- Đối với việc giao khoán bảo vệ rừng: + Thông qua UBND xã để thực hiện giao khoán. + UBND xã tiến hành bàn giao khu vực nhận khoán tại thực địa, thông báo hợp đồng khoán, ký kết hợp đồng khoán với người dân. - Đối với khoản tiền nhận khoán: + Cần niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã. + Các hộ nhận khoán nhận tiền mặt trực tiếp thông qua UBND xã.	Khánh Phú (huyện Khánh Vĩnh ⁹)

Trong đó:

¹: Lâm Đồng

⁵: Quảng Ngãi

⁹: Khánh Hoà

²: Đắk Lắk

⁶: Bình Định

¹⁰: Ninh Thuận

³: Gia Lai

⁷: Phú Yên

¹¹: Bình Thuận

⁴: Kon Tum

⁸: Đắk Nông

Nhận xét chung: Với vườn quốc gia, ban quản lý rừng phòng hộ, công ty lâm nghiệp thì họ hiểu rất rõ về việc quản lý và ký hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng. Tuy nhiên với hộ gia đình thì họ hiểu cơ bản việc mình cần phải làm là bảo vệ rừng, nhưng cụ thể khi hỏi về hợp đồng, về trách nhiệm và quyền hạn của họ trong hợp đồng ký kết thì họ còn khá hạn chế (cũng có thể một phần không nhỏ liên quan đến hạn chế về ngôn ngữ). Họ phối hợp tốt với chủ rừng và lực lượng kiểm lâm trong hoạt động bảo vệ rừng.

(2) Về hiệu quả của chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng đến môi trường, kinh tế và an sinh xã hội tại xã

Bảng 3.10. Kết quả tham vấn về việc hiệu của chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Hội thảo tham vấn cấp xã

TT	Hiệu quả của chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng	Đề cập tại xã
1	- Nguồn tiền cần được trích lại một phần dành cho các hoạt động chung trong cộng đồng thôn bản, hoạt động nâng cao sinh kế; - Thực hiện hợp nhóm bảo vệ rừng hay cộng đồng để công khai danh sách nhận tiền; - Nguồn tiền được chi trả qua thẻ ngân hàng và trực tiếp đến với các cộng đồng nên minh bạch và rõ ràng.	1. Hiều (huyện Kon Plông ⁴) 2. Sơn Phước (huyện Sơn Hòa ⁷) 3. Khánh Phú (huyện Khánh Vĩnh ⁹) 4. Lâm Sơn (huyện Ninh Sơn ¹⁰)
2	- Trong việc thực hiện khoán bảo vệ rừng cần có chia sẻ 1 phần kinh phí để thực hiện công tác tuyên truyền bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng. - Nâng cao vai trò của phụ nữ trong công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn.	1. Đăk Som (huyện Đăk Glông ⁸) 2. Khánh Phú (huyện Khánh Vĩnh ⁹)
3	- Đối với môi trường: chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng đã giúp bảo vệ rừng tốt hơn; số vụ vi phạm lâm luật giảm đáng kể, số vụ cháy rừng cũng suy giảm, chất lượng rừng được đảm bảo. Điều này làm cho tài nguyên đất được bảo vệ, nước được điều hòa, thiên tai ít xảy ra hơn; - Đối với sinh kế: tiền từ chi trả của chính sách giúp cải thiện được sinh kế của người dân. Tuy nhiên lượng tiền chi trả còn ít (khoảng 300.000 VND/ha/năm). - An sinh xã hội: nhận thức của người dân về vai trò và tầm quan trọng của rừng tốt hơn, sinh kế cải thiện tốt hơn; - Tất cả người dân tộc thiểu số của xã đều được tham gia nhận khoán bảo vệ rừng và hưởng lợi từ chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.	Krông Na (huyện Buôn Đôn ²)

4	- Số tiền nhận từ dự án giúp bà con tăng thêm thu nhập; - Tại cộng đồng, tổ trưởng ghi lại hộ nào đi tuần tra theo kế hoạch, hộ nào không đi tuần tra theo kế hoạch, và hộ nào không đi thì bị trừ 100 nghìn đồng. - Tuy nhiên bản thân người chịu trách nhiệm chính trong việc lập và quản lý kế hoạch tuần tra lại chưa được nhận thêm hỗ trợ. - <i>Đề xuất: Khi nhận tiền hỗ trợ từ dự án, đề nghị cho bà con vay với lãi suất thấp để phát triển sinh kế ví dụ: 1 triệu với 10 nghìn tiền lãi thì sẽ phù hợp cho bà con.</i>	Kông Chiêng (huyện Mang Yang ³)
5	- Việc sử dụng tiền nhận được từ Dự án (REDD+) được phân chia ràng (dựa trên ngày công tham gia), được sự đồng thuận của các hộ gia đình tham gia công tác quản lý, bảo vệ rừng. Việc phân chia lợi ích tùy thuộc vào từng cộng đồng.	Hiếu (huyện Kon Plông ⁴)
6	- Kinh phí chi trả (từ dịch vụ môi trường rừng) toàn bộ số tiền sẽ chuyển cho các cộng đồng nhận khoán bảo vệ, công ty chỉ giữ 10% chi cho quản lý; - Chính sách chi trả: Mỗi năm chi trả 02 lần, lần 1 sau khi nghiệm thu kết quả 6 tháng đầu năm. Lần 2 chi trả sau khi nghiệm thu 6 tháng cuối năm. Sau khi quyết toán sẽ thanh lý Hợp đồng.	Vĩnh Sơn (huyện Vĩnh Thạnh ⁶)

Trong đó:

¹: Lâm Đồng

⁵: Quảng Ngãi

⁹: Khánh Hoà

²: Đắk Lắk

⁶: Bình Định

¹⁰: Ninh Thuận

³: Gia Lai

⁷: Phú Yên

¹¹: Bình Thuận

⁴: Kon Tum

⁸: Đắk Nông

Nhận xét chung: Các xã đều có một nhận xét chung về lợi ích kinh tế tích cực có được từ khi có dịch vụ chi trả môi trường rừng (dù có nơi còn rất ít, nhưng có vẫn hơn không có gì). Đặc biệt đối với dân tộc thiểu số, hộ nghèo thường được ưu tiên giao khoán bảo vệ để tăng thêm thu nhập. Họ đề xuất có thể linh hoạt hơn trong cách chia tiền PFES, thay vì chia tới từng hộ như hiện nay (dựa vào công đi tuần tra bảo vệ rừng, hay chia đều các hộ trong cộng đồng), thì thay vào đó (nếu có sự đồng thuận các hộ trong cộng đồng)

để cho các hộ lần lượt được vay để đầu tư phát triển kinh tế vì như vậy tiền từ PFES sẽ được tập trung và có hiệu quả hơn.

3.2.2. Kết quả tham vấn cấp huyện

a. Về nội dung đảm bảo an toàn

Bảng 3.11. Tóm tắt kết quả tham vấn về nội dung Đảm bảo an toàn (Safeguards) tại Hội thảo tham vấn cấp huyện

TT	Nguyên tắc bảo đảm an toàn	Các đề xuất chính/tồn tại	Đề cập tại các huyện
1	Nguyên tắc 2.1: Tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền tiếp cận thông tin	- Tổ chức tập huấn, hội thảo tuyên truyền hơn nữa cho cộng đồng, người dân địa phương. - Tiếp cận thông tin còn nhiều khó khăn (dân trí,...) do vậy mới chỉ dừng lại tuyên truyền là chính về lợi ích nhận được; cần tổ chức nhiều cuộc hội thảo hơn; - Xác định thông tin quản lý rừng và đất rừng cần xác định chi tiết, minh bạch tránh các tranh chấp sau này.	1. Sa Thầy ⁴ 2. Hoài Ân ⁶ 3. Ninh Phước ¹⁰ 4. Ninh Hải ¹⁰ 5. Ninh Sơn ¹⁰ 6. Hàm Thuận Nam ¹¹
2	Nguyên tắc 2.2: Thúc đẩy minh bạch và ngăn ngừa tham nhũng	- Cần thành lập tổ nhóm tại cộng đồng; - Khi chi trả các dịch vụ môi trường, nguồn kinh phí được chuyển trực tiếp từ Trung ương đến người thụ hưởng (không thông qua các bên trung gian). - Đối tượng hưởng lợi: dân tộc thiểu số tại chỗ, dân tộc Kinh là hộ nghèo; diện tích rừng được giao: căn cứ vào số hộ được nhận khoán; tiền chi trả bảo vệ rừng: dựa vào ngày công thực tế các hộ đi tuần tra và căn cứ vào chất lượng bảo vệ rừng trong thời gian giao khoán để thực hiện chi trả 6 tháng/lần; - Phòng chống tham nhũng: đảm bảo nguyên tắc dân biết, dân làm, dân bàn và dân kiểm tra đối với chính sách. 100%	1. Lâm Hà ¹ 2. Krông Bông ² 3. Buôn Đôn ² 4. Hoài Ân ⁶ 5. Tánh Linh ¹¹ 6. Hàm Thuận Nam ¹¹

		nguồn hỗ trợ được chi trả cho hộ gia đình được nhận khoán rừng; được thông báo trên nhóm zalo cộng đồng thôn buôn; Ban tự quản phối hợp với cán bộ Vườn quốc gia giám sát, đảm bảo khách quan. - <i>Tồn tại</i>: Số lượng, đối tượng hưởng lợi chưa được công bố trực tuyến vì nhà quản lý chưa hệ thống thiết bị phương tiện. Người dân cũng chưa có đủ điều kiện, trang thiết bị, công nghệ chưa có, trình độ để tham gia;	
3	Nguyên tắc 2.3: Tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền sử dụng đất	Tuần tra, phát hiện, giải tỏa, trồng rừng; Tuyên truyền nâng cao nhận thức, tập quán sản xuất. Nhà nước có chính sách giao đất rừng cho người hiện hữu; Hỗ trợ các bước ban đầu (đầu tư); Phát triển các mô hình nông lâm kết hợp trên diện tích đất này và được hưởng dịch vụ môi trường rừng và các cơ chế liên quan đến tín chỉ Các bon khi triển khai thực hiện	1. Lạc Dương¹ 2. Lắc²
4	Nguyên tắc 3.1: Xác định người bản địa (DTTS) và cộng đồng địa phương	- Các các cơ quan chuyên môn cần quan tâm, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực, kinh phí, phương tiện kỹ thuật cho địa phương để cập nhật thông tin về rừng, đồng bào dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương được cụ thể, chính xác hơn, đồng thời, việc quản lý bảo vệ rừng được chặt chẽ; - Làng: tổng hợp thông tin cộng đồng tham gia công tác bảo vệ rừng, thực hiện là trưởng thôn; - Kết quả được ghi vào biên bản họp để tạo cơ sở dữ liệu.	1. M'Drăk² 2. Mang Yang³ 3. Sơn Hà⁵ 4. An Lão⁶

		- Có văn bản xác nhận là người dân tộc, xác định công nhận các cộng đồng theo thôn bản	
5	Nguyên tắc 3.2: Tôn trọng và bảo vệ tri thức truyền thống	- Tiếp tục duy trì nét văn hóa của địa phương thông quan quy ước, hương ước. - Việc sử dụng lâm sản phụ ngoài gỗ phải theo quy định của pháp luật. - Thông qua tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiểm soát, xử lý nếu vi phạm. - Tôn trọng và bảo vệ tri thức truyền thống: cần chọn lọc những truyền thống tốt đẹp phù hợp với quy định của pháp luật.	1. Di Linh ¹ 2. Lạc Dương ¹ 3. Mang Yang ³
6	Nguyên tắc 4.1: Sự tham gia của các bên liên quan	- Việc xây dựng kế hoạch tuần tra, quản lý bảo vệ rừng cần có sự tham gia của các bên liên quan. - Cần có sự tham gia đầy đủ của cộng đồng địa phương trong các giai đoạn: chuẩn bị, giai đoạn thực thi và giai đoạn thực hiện.	1. Di Linh ¹ 2. Mang Yang ³ 3. Tu Mơ Rông ⁴
7	Nguyên tắc 4.2: Sự tham gia của người dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương	Chưa có thông tin về quy trình tham gia đối với cộng đồng DTTS tại địa phương	Tu Mơ Rông ⁴

Trong đó:

¹: Lâm Đồng

⁵: Quảng Ngãi

⁹: Khánh Hoà

²: Đắk Lắk

⁶: Bình Định

¹⁰: Ninh Thuận

³: Gia Lai

⁷: Phú Yên

¹¹: Bình Thuận

⁴: Kon Tum

⁸: Đắk Nông

Nhận xét chung: Các đại biểu thể hiện sự tự tin trong việc chia sẻ về việc họ hiểu, đã và đang thực hiện các nguyên tắc đảm bảo an toàn ở địa phương họ như thế nào. Ngoài

ra họ còn có những gợi ý để thực hành nguyên tắc này tốt hơn nếu có dự án về REDD+. Trong đó hai nguyên tắc đảm bảo an toàn về Tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền tiếp cận thông tin (**Nguyên tắc 2.1**) và Thúc đẩy minh bạch và ngăn ngừa tham nhũng (**Nguyên tắc 2.2**) được sự quan tâm đặc biệt của nhiều huyện trong quá trình thảo luận với nhiều ý kiến. Các nguyên tắc thảo luận còn lại thu nhận được ít ý kiến từ các địa phương hơn. Liên quan đến sự tham gia của DTTS và cộng đồng địa phương thì chưa có quy định rõ ràng, bảo vệ tri thức truyền thống sẽ cần có những thay đổi, ưu tiên bảo vệ và phát triển các tập tục truyền thống phù hợp với pháp luật.

b. Về nội dung Chia sẻ lợi ích và giải quyết khiếu nại tố cáo

(1) Các Tiêu chí được đề cập làm căn cứ điều phối từ cấp tỉnh xuống các chủ rừng

Bảng 3.12. Tóm tắt kết quả tham vấn về Các tiêu chí điều phối từ cấp tỉnh xuống các chủ rừng tại Hội thảo tham vấn cấp huyện

TT	Tiêu chí điều phối từ cấp tỉnh xuống chủ rừng	Đề cập tại các huyện
1	- Diện tích quản lý của các đơn vị chủ rừng (với chủ rừng là Ban quản lý rừng, công ty lâm nghiệp quốc doanh); - Diện tích rừng được giao khoán bảo vệ/ diện tích rừng tham gia dự án (với chủ rừng là hộ gia đình, UBND xã, các tổ chức khác được giao quản lý rừng).	1. Di Linh ¹ 2. Lâm Hà ¹ 3. Lắc ² 4. M'Drăk ² 5. Krông Bông ² 6. Buôn Đôn ² 7. Kbang ³ 8. Kong Chro ³ 9. Sa Thầy ⁴ 10. Tu Mơ Rông ⁴ 11. Kon Plong ⁴ 12. Ba Tơ ⁵ 13. Sơn Hà ⁵ 14. Trà Bồng ⁵ 15. An Lão ⁶ 16. Hoài Ân ⁶ 17. Vĩnh Thạnh ⁶ 18. Tây Hòa ⁷ 19. Sơn Hòa ⁷ 20. Đăk Mil ⁸ 21. Đăk Glông ⁸ 22. Khánh Vĩnh ⁹ 23. Cam Lâm ⁹ 24. Ninh Phước ¹⁰ 25. Ninh Hải ¹⁰ 26. Ninh Sơn ¹⁰ 27. Tánh Linh ¹¹ 28. Hàm Thuận Nam ¹¹
2	- Chất lượng rừng (rừng giàu, rừng nghèo...), cần đưa hệ số K để phân loại chất lượng rừng; - Trữ lượng rừng	1. Kbang ³ 2. Kong Chro ³ 3. Mang Yang ³ 4. Sa Thầy ⁴ 5. Tu Mơ Rông ⁴ 6. Kon Plong ⁴ 7. Sơn Hà ⁵ 8. Trà Bồng ⁵ 9. An Lão ⁶ 10. Hoài Ân ⁶ 11. Vĩnh Thạnh ⁶ 12. Tây Hòa ⁷ 13. Sơn Hòa ⁷ 14. Ninh Phước ¹⁰ 15. Ninh Hải ¹⁰ 16. Ninh Sơn ¹⁰ 17. Tánh Linh ¹¹ 18. Hàm Thuận Nam ¹¹

3	Khả năng tăng trưởng sinh khối/trữ lượng và nguy cơ suy giảm/mất rừng.	1. Sa Thầy ⁴ 2. Tu Mơ Rông ⁴ 3. Kon Plong ⁴	4. Tây Hòa ⁷ 5. Sơn Hòa ⁷ 6. Ninh Phước ¹⁰	7. Ninh Hải ¹⁰ 3. Ninh Sơn ¹⁰
4	- Kết quả bảo vệ rừng hàng năm được đánh giá và nghiệm thu bởi một bên thứ ba, chỗ nào bảo vệ tốt thì sẽ phân phối hài hòa, tránh sự cào bằng không hợp lý. - Kết quả thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng của năm liền trước.	1. Mang Yang ² 2. Ba To ⁵ 3. Đăk Mil ⁸	4. Đăk Glong ⁸ 5. Khánh Vĩnh ⁹	5. Cam Lâm ⁹ 7. Hàm Thuận Nam ¹¹ 8. Tánh Linh ¹¹
5	Điều kiện tổ chức về nhân lực (số lượng) và khoảng cách địa lý, dạng địa hình (hệ số khó khăn). Địa bàn giáp danh mà phức tạp thì nên được trả cao hơn (có thể thông qua hệ số) vì người nhận khoán bảo vệ chịu nhiều áp lực hơn (yếu tố đặc thù địa phương cần được chú ý).	1. Di Linh ¹ 2. Kong Chro ³ 3. Mang Yang ³	4. Khánh Vĩnh ⁹ 5. Cam Lâm ⁹	
7	Loại rừng (rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất)	1. Kbang ³ 2. Kong Chro ³ 3. Mang Yang ³		
8	Điều kiện sinh kế của người dân	1. Di Linh ¹ 2. Mang Yang ³ 3. Buôn Đôn ²		
9	Chế độ đãi ngộ cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, cán bộ cấp xã phụ trách công tác lâm nghiệp.	1. Lâm Hà ¹		
10	Mật độ rừng, theo số lao động tham gia và địa bàn rừng.	1. Đăk Glong ⁸		

Trong đó:

¹ : Lâm Đồng	⁵ : Quảng Ngãi	⁹ : Khánh Hoà
² : Đắk Lắk	⁶ : Bình Định	¹⁰ : Ninh Thuận
³ : Gia Lai	⁷ : Phú Yên	¹¹ : Bình Thuận
⁴ : Kon Tum	⁸ : Đắk Nông	

Nhận xét chung: Căn cứ được đề cập nhiều nhất để chia sẻ lợi ích từ quỹ tỉnh tới chủ rừng là dựa vào diện tích rừng chủ rừng được giao, được khoán bảo vệ .v.v... (28/30 huyện). Tiêu chí thứ hai liên quan đến chất lượng rừng (18/30 huyện). Nhóm tiêu chí thứ ba được đề cập là nên dựa vào việc tính toán thực tế về khả năng lưu trữ và tích lũy các bon của rừng (khả năng giảm phát thải của rừng) (8/30 huyện); và dựa vào kết quả đánh giá khách quan công tác bảo vệ và phát triển rừng của địa phương để chia sẻ lợi ích (8/30 huyện). Ngoài ra còn có một số tiêu chí khác được đề cập từ một số ít các huyện như dựa vào điều kiện thực tế của địa bàn như khu vực địa lý khó đi lại, khu vực có nhiều áp lực mất rừng v.v... (5/30 huyện); dựa vào loại rừng theo phân chia của nhà nước gồm rừng đặc dụng nên được chia sẻ nhiều nhất, sau đó là rừng phòng hộ, và cuối cùng là rừng sản xuất (3/30 huyện); dựa vào điều kiện sinh kế của người dân, ưu tiên nơi có điều kiện khó khăn hơn (3/30 huyện).

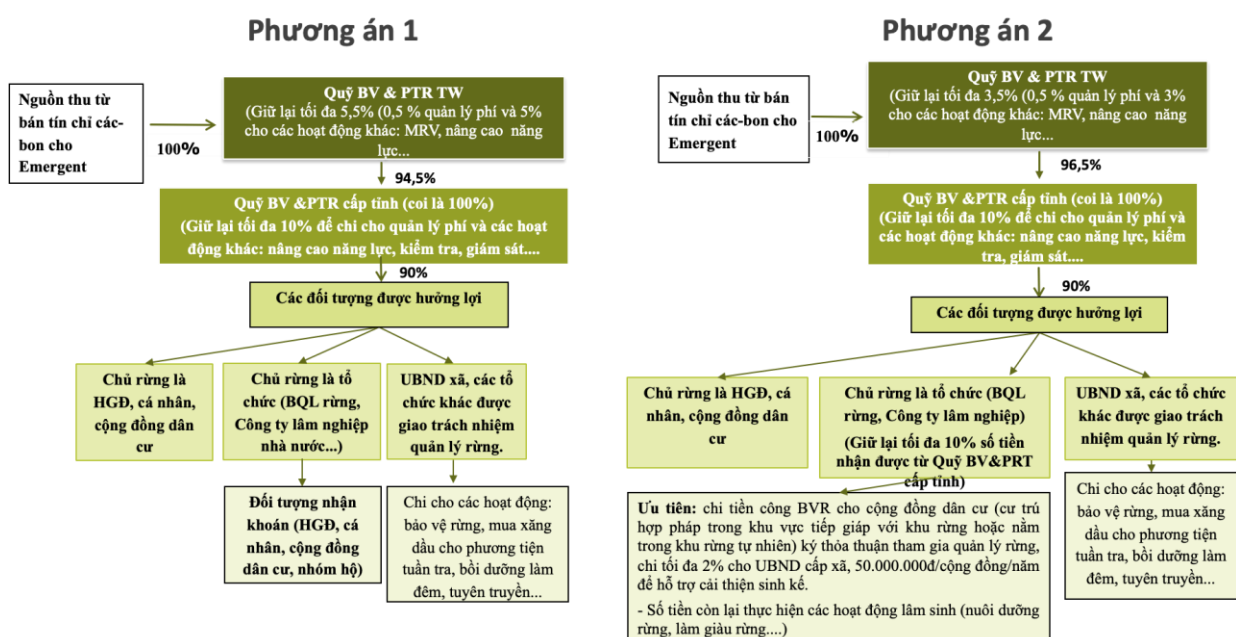
(2) Phương án chia sẻ lợi ích được lựa chọn nhiều nhất

Đây là một trong những nội dung quan trọng nhất được đưa ra tham vấn vì liên quan trực tiếp tới quyền lợi của các bên tham gia đóng góp (trực tiếp và gián tiếp) vào kết quả giảm phát thải KNK từ rừng. Để có cơ sở xây dựng kế hoạch chia sẻ lợi ích, hai phương án (Hình 1) đã được đưa ra tham vấn gồm:

Phương án 1 (PA1): Theo điều 72a, dự thảo nghị định 156/2018 sửa đổi^[1] quy định một số điều về Luật Lâm nghiệp 2017. Theo phương án này Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam được giữ tối đa 0,5% tổng số tiền thu được từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thải cho các hoạt động của Quỹ, và tối đa 5% tổng số tiền này cho các hoạt động khác liên quan đến vận hành và phát triển dịch vụ các bon rừng. Số tiền còn lại điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng các tỉnh thuộc vùng dự án theo diện tích rừng và kết quả giảm phát thải. Tại đây Quỹ tỉnh được giữ tối đa 10% cho hoạt động quản lý. Số tiền còn lại được chia tới các chủ rừng, UBND xã, và các tổ chức khác được giao quản lý rừng dựa trên diện tích có cung ứng dịch vụ các bon rừng. Đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, và các doanh nghiệp được sử dụng toàn bộ số tiền được điều phối từ

quỹ tỉnh; Chủ rừng là tổ chức (trừ doanh nghiệp): (i) với diện tích tự quản lý được toàn quyền sử dụng cho hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng; (ii) với diện tích khoán được trích 10% cho hoạt động quản lý. UBND xã và các tổ chức khác sử dụng cho các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng.

Phương án 2 (PA2): Theo Điều 8, Nghị định 107/2022^[2] về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải KNK vùng Bắc Trung Bộ. Về cơ bản phương án này tương tự như phương án 1, nhưng có ba sự khác biệt: 1) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam tối đa 3% tổng số tiền cho các hoạt động khác liên quan đến vận hành và phát triển dịch vụ các bon rừng (thay vì 5% như PA1); 2) Đối với chủ rừng là tổ chức (trừ doanh nghiệp): với diện tích khoán sau khi được trích 10% cho hoạt động quản lý, số tiền còn lại ưu tiên hoạt động quản lý rừng trong đó có trích tối đa 2% cho UBND xã có cộng đồng dân cư tham gia quản lý bảo vệ rừng; 3) Cộng đồng dân cư ký kết hợp đồng tham gia quản lý rừng với chủ rừng là tổ chức, cư trú hợp pháp trong khu vực tiếp giáp với khu rừng hoặc nằm trong khu rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức được hỗ trợ 50.000.000 đồng/cộng đồng/năm để phát triển sinh kế.



Hình 1. Tóm tắt Phương án 1 và Phương án 2 kế hoạch chia sẻ lợi ích

^[1] Chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) đã được thực hiện trên phạm vi toàn quốc từ năm 2010 cho ba trong năm dịch vụ môi trường rừng được quy định tại điều 61, Luật Lâm nghiệp 2017. Việc chia sẻ lợi ích từ ba loại hình dịch vụ này (1. Bảo vệ đất, hạn chế xói mòn và bồi lắng lòng hồ, lòng sông, lòng suối; 2. Điều tiết, duy trì nguồn

nước cho sản xuất và đời sống xã hội; 3. Bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng cho kinh doanh dịch vụ du lịch) được thực hiện theo điều 70, Nghị định 156/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Lâm nghiệp (trước đây là nghị định 99/2010 về PFES). Như vậy Việt Nam đã có hơn một thập kỷ kinh nghiệm chia sẻ lợi ích đối với ba dịch vụ môi trường rừng trên. Tuy nhiên, dịch vụ hấp thụ và lưu trữ các bon của rừng chưa có quy định. Do đó dự thảo nghị định 156/2018 sửa đổi đã bổ sung điều 72a cho dịch vụ này.

^[2] Nghị định 107/2022 là nghị định đầu tiên tại Việt Nam quy định việc chuyển nhượng kết quả giảm phát thải KNK từ rừng, thí điểm cho vùng Bắc Trung Bộ. Theo đó Việt Nam chuyển nhượng kết quả giảm phát thải 10,3 triệu tấn CO₂ và lượng phát thải bổ sung tối đa 5 triệu tấn CO₂ (nếu có) từ rừng tự nhiên 6 tỉnh Bắc Trung Bộ cho Quỹ Đối tác các-bon lâm nghiệp, ủy thác qua Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế theo thỏa thuận chi trả dựa vào kết quả giảm phát thải (ERPA).

Bảng 3.13. Tóm tắt kết quả tham vấn về Phương án chia sẻ lợi ích được lựa chọn tại Hội thảo tham vấn cấp huyện

TT	Phương án	Lựa chọn bởi các huyện	Lý do/Đề nghị bổ sung
1	Phương án 1: Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018	1. Lâm Hà ¹ 2. Lạc Dương ¹ 3. Lắc ² 4. M'Drắk ² 5. Ba To ⁵ 6. Sơn Hà ⁵ 7. Vĩnh Thạnh ⁶ 8. Đăk Mil ⁸ 9. Khánh Vĩnh ⁹ 10. Tánh Linh ¹¹ 11. Hàm Thuận Nam ¹¹	1. Đề nghị bổ sung thêm hỗ trợ cộng đồng dân cư (50 triệu đồng/năm/cộng đồng để cải thiện sinh kế). 2. - Hiện nay, Nghị định 107 đang trong giai đoạn thí điểm thì có thí điểm được tiếp không, có thể sẽ vướng mắc. - Nghị định 156 đang sửa đổi thì có thể được áp dụng sớm; - Thúc đẩy người dân tham gia hoạt động bảo vệ rừng và hưởng lợi từ đó. 5. Phù hợp với điều kiện của địa phương và thuận lợi cho việc áp dụng trên địa bàn. 6. - Phương án được áp dụng trên phạm vi cả nước, đã có văn bản quy phạm pháp luật, không phát sinh văn bản mới, có thể triển khai sớm; - Xác định đối tượng được hưởng lợi một cách dễ dàng 7. - Phương án dễ xác định đối tượng được hưởng lợi (Chỉ đối tượng trực tiếp tham gia công tác quản lý bảo vệ rừng mới được hưởng dịch vụ này) - Đã có văn bản pháp luật (dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày

			16/11/2018), không phát sinh văn bản mới, có thể triển khai nhanh hơn. 9. - Tiến hành triển khai thuận lợi, dễ xác định được đối tượng hưởng lợi. - Kế thừa một số quy định và không phát sinh thủ tục mới. - Không phải xây dựng VBPL mới trình Chính phủ xem xét, phê duyệt. 10. Bổ sung chi tối đa 2% cho UBND xã, chi 50 triệu đồng/năm cho cộng đồng hỗ trợ cải thiện sinh kế (như phương án 2) và chi hỗ trợ đơn vị kiểm lâm (đơn vị quản lý nhà nước). 11. Bổ sung chủ rừng là tổ chức (Các ban quản lý rừng, công ty lâm nghiệp) cần chi cho các bên liên quan như Phương án 2.
2	Phương án 2: Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 28/12/2022	1. Di Linh¹ 2. Krông Bông² 3. Buôn Đôn² 4. Kbang³ 5. Kong Chro³ 6. Mang Yang³ 7. Sa Thầy⁴ 8. Tu Mơ Rông⁴ 9. Kon Plong⁴ 10. Trà Bồng⁵ 11. An Lão⁶ 12. Hoài Ân⁶ 13. Tây Hòa⁷ 14. Sơn Hòa⁷ 15. Đắc Glong 16. Cam Lâm⁹ 17. Ninh Phước¹⁰ 18. Ninh Hải¹⁰ 19. Ninh Sơn¹⁰	1. Vấn đề an sinh xã hội tốt hơn do nhiều người được hưởng lợi hơn (như đối tượng sống trong và gần rừng). 3. Bổ sung thêm ý kiến: thu hẹp đối tượng nhận khoán (hộ dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo); có cơ chế đầu tư để phát triển kinh tế ổn định (đầu tư một số nhà máy tạo việc làm ổn định cho cộng đồng) 4. Đối tượng rộng hơn, phù hợp với thực tế quản lý bảo vệ rừng. 5. Phù hợp với đặc thù địa phương (cộng đồng). Xã cần được chia sẻ lợi ích vì cũng phải tham gia khâu kiểm tra đánh giá và chịu trách nhiệm; 6. Do việc tham gia bảo vệ rừng của xã được ghi nhận, được có công (2%). - Nhưng không đồng ý chia cộng đồng sống gần rừng 50 triệu vì họ không tham gia bảo vệ rừng nhưng lại được hưởng. Những người trong cộng đồng này vẫn được nhận công nếu có tham gia bảo vệ rừng trong trường hợp được yêu cầu (như đi chữa cháy, làm giàu rừng (trồng cây dọn cỏ). 7. Tăng cường sự công bằng giữa các cộng đồng, giảm mâu thuẫn về lợi ích giữa những cộng đồng không quản lý các diện tích rừng.

			- Nâng cao ý thức cũng như trách nhiệm của các cộng đồng, cơ quan chính quyền trong việc bảo vệ và quản lý rừng. - Giảm áp lực trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Đối tượng hưởng lợi có ý thức trách nhiệm trong công tác giữ rừng, quản lý, bảo vệ rừng. 10. - Phương án đang được áp dụng trên phạm vi 6 tỉnh Bắc trung Bộ, đã có văn bản quy phạm pháp luật, không phát sinh văn bản mới, có thể triển khai sớm; - Mở rộng được đối tượng hưởng lợi. 11. Nhiều đối tượng được hưởng lợi (UBND xã, Cộng đồng dân cư, Các hộ/cộng đồng sống trong và gần rừng tham gia dự án) 16. - Đang được áp dụng thí điểm tại vùng Bắc Trung bộ, mở rộng đối tượng được hưởng lợi, gắn kết chủ rừng là tổ chức nhà nước với cộng đồng dân cư sống trong và gần rừng. - Không phát sinh thủ tục mới, không phải xây dựng VBPL mới.
--	--	--	--

Trong đó:

¹: Lâm Đồng

⁵: Quảng Ngãi

⁹: Khánh Hoà

²: Đắk Lắk

⁶: Bình Định

¹⁰: Ninh Thuận

³: Gia Lai

⁷: Phú Yên

¹¹: Bình Thuận

⁴: Kon Tum

⁸: Đắk Nông

Nhận xét chung: Phương án số 2 được nhiều huyện cho là phù hợp hơn (19/30 huyện) so với phương án số 1 (11/30 huyện). Lý do thành viên tham gia hội thảo đưa ra chủ yếu là do phương án số 2 thì nhiều đối tượng được hưởng lợi hơn, và có sự quan tâm tới phát triển sinh kế cho cộng đồng sống gần rừng. Tuy nhiên cần lưu ý, mặc dù nghiêng về trong phương án 1 thì vẫn có những ý kiến nên lồng ghép cả phương án 2 như việc có chia sẻ cho cộng đồng sống gần rừng để họ phát triển sinh kế, hay chia sẻ lợi ích cho xã vì xã cũng tham gia tích cực vào công tác quản lý rừng. Một số huyện nghiêng về phương án 2 nhưng lại thấy chia sẻ 50 triệu/cộng đồng sống gần rừng là không nên vì sẽ làm giảm sự tập trung chia sẻ cho đối tượng thực sự tham gia bảo vệ rừng, vốn đã không có nhiều.

(3) Tiêu chí lựa chọn cộng đồng, hoạt động ưu tiên hỗ trợ (đối với cộng đồng sống trong và gần rừng)

Bảng 14. Tóm tắt kết quả tham vấn về Tiêu chí lựa chọn cộng đồng/hoạt động ưu tiên hỗ trợ tại Hội thảo tham vấn cấp huyện

TT	Tiêu chí lựa chọn cộng đồng/hoạt động ưu tiên hỗ trợ	Đề cập tại các huyện
1	Nhóm quản lý: Bảo vệ rừng tốt, không hoặc ít vi phạm quy định; ban hành nội quy cộng đồng và thực hiện tốt; cam kết bảo vệ rừng; truyền đạt thông tin tới cộng đồng. Nhóm xã hội: Tỷ lệ % là đồng bào dân tộc thiểu số; tỷ lệ hộ nghèo; tỷ lệ bình đẳng giới, gia đình hiếu học (để khích lệ). <i>Ưu tiên đối với cộng đồng có nhiều dân tộc thiểu số, có nhiều gia đình hộ nghèo, người tàn tật...</i>	1. Di Linh¹ 9. Đăk Glong⁸ 2. Lạc Dương¹ 10. Khánh 3. Kbang³ Vĩnh⁹ 4. Sơn Hà⁵ 11. Cam Lâm⁹ 5. Trà Bồng⁵ 12. Tánh Linh¹¹ 6. An Lão⁶ 13. Hàm Thuận 7. Hoài Ân⁶ Nam¹¹ 8. Đăk Mil⁸
2	Cộng đồng sống gần hoặc trong diện tích rừng tự nhiên nhưng không được giao quản lý; hoặc cộng đồng còn nhiều hộ gia đình không được giao khoán/ chưa được ký hợp đồng khoán bảo vệ rừng. <i>Tiêu chí ưu tiên: tỷ lệ dân tộc thiểu số, tỷ lệ gia đình hộ nghèo, tỷ lệ người không đủ sức khỏe để thực hiện kiểm sát rừng.</i>	1. Sa Thầy⁴ 6. Đăk Glong⁸ 2. Tu Mơ Rông⁴ 7. Khánh Vĩnh⁹ 3. Kon Plong⁴ 8. Ninh Phước¹⁰ 4. Tây Hòa⁷ 9. Ninh Hải¹⁰ 5. Sơn Hòa⁷ 10. Ninh Sơn¹⁰
3	- Cộng đồng có các bên giáp rừng tự nhiên nhiều nhất; - Cộng đồng dân cư được hỗ trợ sống trong và gần rừng là trong bán kính 5 km vùng thực hiện dự án. <i>Nếu có nhiều cộng đồng cùng đáp ứng tiêu chí thì sẽ luân phiên nhận hỗ trợ.</i>	1. Lâm Hà¹ 3. Kbang³ 2. Buôn Đôn² 4. Kong Chro³
4	- Cộng đồng đoàn kết. - Cộng đồng có trách nhiệm bảo vệ rừng và không vi phạm lâm luật.	1. Lạc Dương¹ 2. Kbang³
5	Ưu tiên cộng đồng có người tham gia khoán bảo vệ rừng.	1. Kbang³

6	Ưu tiên hỗ trợ các hoạt động chăn nuôi, trồng trọt của cộng đồng.	2. Buôn Đôn ²
7	Kết quả bảo vệ rừng trên địa bàn: không có tình trạng xâm hại đến rừng trên địa bàn. Có nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo. Khu vực nằm sát ranh giới với khu rừng.	1. Ba To ⁵
8	Ưu tiên các cộng đồng chưa có công việc ổn định sống dựa vào rừng.	1. Hàm Thuận Nam ¹¹

Trong đó:

- ¹: Lâm Đồng ⁵: Quảng Ngãi ⁹: Khánh Hoà
²: Đắk Lắk ⁶: Bình Định ¹⁰: Ninh Thuận
³: Gia Lai ⁷: Phú Yên ¹¹: Bình Thuận
⁴: Kon Tum ⁸: Đắk Nông

Nhận xét chung: Các huyện đồng ý chia sẻ lợi ích từ dự án (nếu có) cho cộng đồng thì tiêu chí được đề cập nhiều nhất là năng lực, ý thức bảo vệ rừng tốt của cộng đồng đó và có thành phần người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao, cộng đồng có nhiều hộ nghèo (13/30 huyện). Tiêu chí khác được đề cập liên quan đến vị trí địa lý, cụ thể là ưu tiên các cộng đồng sống trong (hợp pháp) và gần rừng nhưng không có được hợp đồng giao khoán (10/30 huyện).

Đặc biệt trong số 30 huyện được tham vấn, có hai huyện không đề xuất tiêu chí lựa chọn cộng đồng/hoạt động ưu tiên hỗ trợ với các lý do sau: vì (1) Mang Yang (tỉnh Gia Lai): Do không đồng ý mục chia cho cộng đồng sống gần rừng được 50 triệu nên không muốn đưa ra tiêu chí lựa chọn; (2) Vĩnh Thạnh: Lựa chọn phương án 1 và không hỗ trợ cho cộng đồng cư trú hợp pháp trong khu vực tiếp giáp với khu rừng hoặc nằm trong khu rừng tự nhiên tham gia dự án nên không đưa tiêu chí lựa chọn.

(4) Cách thực hiện và tiêu chí công tác kiểm tra giám sát các chủ rừng sau khi nhận được tiền

Bảng 3.15. Tóm tắt kết quả tham vấn về công tác kiểm tra giám sát tại Hội thảo tham vấn cấp huyện

TT	Cách thực hiện và tiêu chí công tác kiểm tra giám sát các chủ rừng sau khi nhận được tiền	Đề cập tại các huyện
----	---	----------------------

1	Công khai danh sách các chủ rừng và số tiền được nhận từ dự án tại trụ sở UBND xã hoặc trụ sở thôn bản.	1. Sơn Hà ⁵ 2. Trà Bồng ⁵ 3. An Lão ⁶ 4. Hoài Ân ⁶ 5. Vĩnh Thạnh ⁶ 6. Đăk Mil ⁸ 7. Đăk Glong ⁸ 8. Khánh Vĩnh ⁹ 9. Cam Lâm ⁹ 10. Hàm Thuận Nam ¹¹
2	Đề xuất cơ quan có thẩm quyền đứng ra chịu trách nhiệm giám sát.	1. Sa Thầy ⁴ 2. Tu Mơ Rông ⁴ 3. Kon Plong ⁴ 4. Tây Hòa ⁷ 5. Sơn Hòa ⁷ 6. Ninh Phước ¹⁰ 7. Ninh Hải ¹⁰ 8. Ninh Sơn ¹⁰
3	Thành lập tổ kiểm tra giám sát công tác chi trả gồm đại diện các chủ rừng, trưởng các buôn bản và người có uy tín trong cộng đồng. Công tác kiểm tra giám sát thực hiện vào đầu mỗi kỳ chi trả và kết thúc năm được chi trả. Người thực hiện công tác giám sát tại cộng đồng là đại diện các đoàn thể, trưởng thôn, ban giám sát cộng đồng.	1. Sơn Hà ⁵ 2. Trà Bồng ⁵ 3. An Lão ⁶ 4. Đăk Mil ⁸ 5. Đăk Glong ⁸ 6. Khánh Vĩnh ⁹ 7. Cam Lâm ⁹
4	Hàng năm xây dựng kế hoạch thời gian kiểm tra giám sát; Mở sổ nhật ký chi trả; Đại diện địa phương (UBND xã, Chủ rừng) tham gia đoàn kiểm tra giám sát kết quả chi trả; Kết quả kiểm tra nghiệm thu khối lượng được đánh giá theo mỗi cuối năm;	1. Hoài Ân ⁶ 2. Tánh Linh ¹¹ 3. Hàm Thuận Nam ¹¹
5	Chủ rừng phối hợp với UBND xã, kiểm lâm và hệ thống chính trị chịu trách nhiệm kiểm tra giám sát; Kinh phí có thể chi trả trực tiếp cho hộ gia đình qua sổ tài khoản; Có thể kiểm tra định kỳ hàng năm.	1. M'Drăk ² 2. Krông Bông ²
6	Công tác kiểm tra phải thường xuyên; Việc giám sát chi trả tiền cho các chủ rừng cần được công khai, minh bạch và chặt chẽ;	1. Buôn Đôn ² 2. Kon Plong ⁴

	Nên có 1 đơn vị giám sát độc lập. Sử dụng tiêu chí giám sát cụ thể và thống nhất.	
7	Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện và ghi chép lại vào nhật ký tuần tra rừng, thiết lập kế hoạch thường xuyên và đột xuất, và việc áp dụng các chế tài trong xử lý các vụ việc vi phạm. Ví dụ có người được phân công nhưng từ chối liên tục hai lần thì có thể xem xét cho ra khỏi nhóm hộ được nhận khoán bảo vệ rừng. Ngoài ra còn sử dụng các phần mềm hỗ trợ để kiểm tra việc họ có thực sự đi tuần tra rừng hay không.	1. Di Linh ¹
8	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng phối hợp với Chi cục Lâm nghiệp giám sát các chủ rừng, cấp xã rồi mới tới cộng đồng dân cư.	1. Lâm Hà ¹
9	Các chủ rừng cử người đại diện tham gia kiểm tra, giám sát cùng với Ban quản lý bảo vệ rừng và cán bộ xã; việc kiểm tra giám sát được thực hiện định kỳ hàng năm.	1. Lắc ²
10	Có xác nhận, tham gia của chính quyền địa phương; Có sự kiểm tra của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng; Giám sát của Hội đồng các cấp.	1. Kbang ³
11	Dựa vào các điều khoản trong hợp đồng khoán theo năm; Thực hiện bởi xã và Hạt kiểm lâm huyện Các quy định về trách nhiệm cần rõ ràng hơn. Ví dụ các công ty lâm nghiệp là chủ rừng, hưởng lợi 100% theo diện tích của họ nhưng khi mất rừng thì xã và hạt kiểm lâm vẫn bị liên đới trách nhiệm, nên thấy chưa công bằng; Trách nhiệm khi giao khoán cho cộng đồng cũng cần rõ ràng hơn.	1. Kong Chro ³

12	- Về cách thức thực hiện sau khi được nhận tiền: + Thực hiện thông qua Ban quản lý rừng cộng đồng hoặc UBND xã. + Tiền được nhận sẽ được chi theo công tuần tra bảo vệ rừng. + Hợp nhóm hộ tham gia để công khai số tiền và danh sách nhận tiền. + Các hộ nhận tiền trích lại một phần tiền để chi cho các hộ neo đơn, hộ có hoàn cảnh khó khăn, hộ không được nhận khoán bảo vệ rừng. - Công tác kiểm tra, giám sát các chủ rừng sau khi được nhận tiền: + Đối với các hộ gia đình cá nhân, cộng đồng: Niêm yết công khai về danh sách, số tiền được nhận...tại trụ sở thôn bản hoặc trụ sở UBND xã. + Đối với các BQL rừng, các công ty lâm nghiệp: Chi theo quy định. + Đối với các UBND xã và các đối tượng khác: Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã.	1. Ba To ⁵
13	Quỹ bảo vệ phát triển rừng cấp tỉnh, phòng tài chính kế hoạch huyện là các cơ quan đầu mối thực hiện việc kiểm tra giám sát công tác chi trả.	1. Vĩnh Thạnh ⁶

Trong đó:

¹: Lâm Đồng

⁵: Quảng Ngãi

⁹: Khánh Hoà

²: Đắk Lắk

⁶: Bình Định

¹⁰: Ninh Thuận

³: Gia Lai

⁷: Phú Yên

¹¹: Bình Thuận

⁴: Kon Tum

⁸: Đắk Nông

Nhận xét chung: Cơ chế giám sát tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đã tương đối tốt tại Việt Nam sau hơn 10 năm thực hiện. Nên khi thảo luận về cơ chế này hầu hết các huyện đều nắm rõ quy trình khi nghiệm thu để được nhận tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng, và do đó họ tin rằng với nguồn từ C-PFES cũng không quá khó khăn cho việc giám sát. Yếu tố được đề cập rõ nhất là tính công khai minh bạch dòng tiền, họ muốn được hiểu và biết về dòng tiền đó đi như thế nào, chia cho đối tượng nào và vì sao đối tượng đó được hưởng lợi như vậy. Sự kết hợp chặt chẽ và phân chia trách nhiệm rõ ràng của các bên tham gia trong dự án này là rất cần thiết.

(5) Cơ chế giải quyết khiếu nại

Bảng 3.16. Tóm tắt kết quả tham vấn về cơ chế giải quyết khiếu nại tại Hội thảo tham vấn cấp huyện

TT	Cơ chế giải quyết khiếu nại	Đề cập tại huyện
1	- Căn cứ giải quyết: Luật khiếu nại tố cáo; Quy chế dân chủ cơ sở; Hương ước, quy ước của Thôn; Nội quy, quy chế hoạt động của cơ quan. - Trình tự và cách thức giải quyết khi có khiếu nại tố cáo: (1) Tiếp nhận đơn, chuyển đơn (Cán bộ văn phòng ủy ban); (2) Người nhận xử lý ban đầu (Chủ tịch xã hoặc Phó chủ tịch được uỷ quyền) (3) Nếu thuộc thẩm quyền giải quyết của Thôn sẽ chuyển cho tổ hoà giải cơ sở thôn, mời các bên liên quan thực hiện công tác hoà giải, kết quả hoà giải được ghi thành biên bản và gửi cho UBND xã. (4) Công khai kết quả: Niêm yết tại nhà văn hoá thôn, xã. Họp thôn công bố kết quả hoà giải.	1. Sơn Hà⁵ 2. Trà Bồng⁵ 3. An Lão⁶ 4. Đắc Mil⁸ 5. Đắc Glong⁸ 6. Khánh Vĩnh⁹
2	Cơ chế giải quyết khiếu nại: các cấp bậc giải quyết, các Luật và cơ chế phản hồi REDD+.	1. Sa Thầy⁴ 2. Tu Mơ Rông⁴ 3. Kon Plong⁴ 4. Cam Lâm⁹ 5. Ninh Phước¹⁰
3	- Căn cứ giải quyết: Luật khiếu nại tố cáo; Quy chế dân chủ cơ sở; Hương ước, quy ước của Thôn; Nội quy, quy chế hoạt động của cơ quan. - Khi phát sinh các mâu thuẫn nhỏ thì giải quyết theo phương pháp hoà giải theo trình tự sau:	1. Hoài Ân⁶ 2. Tánh Linh¹¹

	+ Nhận đơn, tổ nhận đơn tiến hành xem xét, kiểm tra thông tin, Thành lập tổ hoà giải, phân tích đúng sai (2 bên đồng thuận hoà giải thì kết luận hoà giải, không đồng thuận thì chuyển cấp trên); + Tổ hoà giải lập biên bản hoà giải và công khai kết quả ngay sau buổi hoà giải. + Cấp xã mà có người dân khiếu nại: Chủ tịch xã mà không bị khiếu nại sẽ tiếp nhận xử lý, trường hợp đơn thư khiếu nại lãnh đạo xã thì chuyển cấp Huyện xử lý. Kết quả khiếu nại đều được ghi biên bản và công khai ngay sau khi có kết luận.	
4	<i>Khi có khiếu nại liên quan đến các hoạt động REDD+/LEAF, về phía địa phương:</i> - Trước hết, tìm hiểu các văn bản quy định của pháp luật làm cơ sở cho việc giải quyết các khiếu nại và hoạt động hòa giải. Tiếp theo, xác định các vấn đề thắc mắc nằm ở điều nào, khoản nào theo quy định; - Tiếp theo, tiến hành tuyên truyền, vận động cộng đồng địa phương về quyền lợi - nghĩa vụ khi thực hiện Chương trình REDD+/LEAF. Quyền lợi ở đây trong hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là tạo thu nhập và tạo sinh kế, vì vậy, người dân có nghĩa vụ chấp hành công tác quản lý, bảo vệ. - Ở cấp thôn: họp dân, Tổ hòa giải tiến hành hòa giải theo thẩm quyền, tập trung vào vận động nêu gương - lấy tập thể biểu quyết thông qua bình xét. - Khi hòa giải cấp thôn không thành công thì việc giải quyết sẽ được thực hiện ở cấp xã. Tổ hòa giải cấp xã căn cứ vào các quy định của pháp luật thực hiện hòa giải thông qua: đối thoại, giải đáp thắc mắc để người dân hiểu và đồng thuận. Đồng thời, tranh thủ các ý kiến của các ban ngành cấp trên để giải quyết triệt để tại cơ sở, không để khiếu kiện vượt cấp.	1. Di Linh ¹
5	Một số giải pháp để giảm các khiếu nại/tranh chấp ngay từ ban đầu: - Trước hết cần công khai các hộ, tổ chức tham gia Dự án. - Thông tin cần được niêm yết tại: 1. Cộng đồng dân cư có rừng như Nhà sinh hoạt cộng đồng; 2. Ủy ban cấp xã	1. Lâm Hà ¹

6	Luật Hòa giải cơ sở cho các kiến nghị thông thường giữa người dân và đơn vị chi trả, thực hiện hội đồng hòa giải cấp xã. Thành viên tham gia Hội đồng hòa giải cấp xã gồm: đại diện công chức cấp xã, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể xã hội xã. Việc hòa giải có biên bản và có chữ ký của các bên, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành văn bản. Các thôn cũng có Tổ hòa giải cấp thôn gồm: Trưởng ban Công tác mặt trận, người có uy tín được giao nhiệm vụ ghi biên bản hòa giải. Thông qua Ngày đại đoàn kết toàn dân tộc vào tháng 11 hàng năm, cơ quan phụ trách tiến hành phổ biến cho nhân dân, hoặc nhân dịp họp cuối năm của thôn, tổ dân phố. Đối với hoạt động quản lý bảo vệ rừng, trong các cuộc họp thôn và tổ dân phố, kiến nghị của người dân về khoán quản lý bảo vệ rừng, thư ký ghi lại các ý kiến của nhân dân, kết quả kiến nghị được thông báo theo quy trình, thông qua các cuộc họp có liên quan. <i>Đề xuất: cơ quan có thẩm quyền phải có giải trình cho bên kiến nghị.</i>	1. Lạc Dương ¹
7	Cơ chế hòa giải: tiếp nhận đơn; thành lập tổ xác minh; mời hòa giải. Quá trình hòa giải: có ghi chép, viết báo cáo và công bố kết quả hòa giải Kiến nghị: Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các hộ khoán bảo vệ rừng còn thấp, một số giai đoạn bị cắt nên diện tích rừng bị lấn chiếm mà chưa có giải pháp giải quyết; Kinh phí cho Ban lâm nghiệp xã không có từ năm 2016; Cần phải có cơ chế chính sách cho các hộ dân sống gần rừng.	1. Lắc ²
8	Cơ chế hòa giải/giải quyết khiếu nại: khi có người dân khiếu nại có liên quan đến việc quản lý bảo vệ rừng, dịch vụ môi trường rừng: trước hết UBND xã phải xem xét lại toàn bộ hồ sơ, thủ tục liên quan đến Hợp đồng bảo vệ rừng đối với hộ gia đình của người dân. Đồng thời kiểm tra việc chi trả có đúng theo quy định Hợp đồng đã ký giữa xã và hộ gia đình, có đúng quy định của pháp luật hay không.... Trong quá trình giải quyết khiếu nại: các nội dung phải được lập biên bản, ghi chép rõ ràng, có chữ ký của các bên, đồng thời công bố công khai cho người dân khu vực được biết. Hình thức công	M'Drăk ²

	khai: có thể thông qua các buổi họp dân, tiếp xúc cử tri, niêm yết tại nhà văn hóa cộng đồng, hội trường thôn. Báo cáo bằng văn bản lên cấp trên và lưu lại hồ sơ tại xã.	
9	Xã thành lập ban hòa giải gồm Ủy ban mặt trận tổ quốc xã làm trưởng ban có nhiệm vụ phổ biến, tuyên truyền các văn bản, luật, nghị định và thông tư. Khi xảy ra khiếu nại sẽ đứng ra hòa giải. Trường hợp không thành công hoặc vượt quá thẩm quyền: ban hòa giải chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết trên cơ sở hồ sơ của ban hòa giải cấp xã; Trong quá trình thực thi cơ chế giải quyết khiếu nại: có ghi chép, báo cáo và công khai thông báo kết quả cho cộng đồng, dân cư, cá nhân được biết thông qua các hình thức: họp bản, loa đài của thôn buôn, xã.	1. Không Bông ²
10	Cơ chế hòa giải/giải quyết khiếu nại: Cơ sở đã có ban hòa giải tiếp nhận hồ sơ khiếu nại của người dân; có cơ chế giải quyết khiếu nại cụ thể. Trong quá trình thực thi cơ chế giải quyết khiếu nại: có ghi chép, báo cáo và công khai thông báo kết quả cho cộng đồng, dân cư, cá nhân được biết thông qua các hình thức: họp bản, loa đài của thôn buôn, xã.	1. Buôn Đôn ²
11	Thực tế thực hiện, đối với đồng bào dân tộc thiểu số, sẽ phản ánh trực tiếp đến các hội nghị như tiếp xúc cử tri; Cơ chế thực hiện: + Tổ hòa giải thôn, làng (Trưởng ban công tác mặt trận và các ban ngành của làng); + Nếu hòa giải thành hoặc không thành thì vẫn có Biên bản hòa giải (Theo Quyết định số 03/UBND tỉnh, tổ hòa giải được hỗ trợ 200.000 đồng/vụ); + Nếu không được thành lập tổ hòa giải sẽ báo cáo lên Ủy ban nhân dân xã, xã sẽ thành lập một tổ công tác do chủ tịch mặt trận làm tổ trưởng, thành viên gồm các bên liên quan như: kiểm lâm.... Và các ban ngành đoàn thể. Những mâu thuẫn lớn không hòa giải thành công thì sẽ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật do Ủy ban nhân dân xã chủ trì, báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền;	1. Kbang ³

	Các kết quả được ghi chép thành biên bản và công khai cho người dân bằng cách niêm yết tại thôn, làng và đọc trực tiếp tại cuộc họp thôn này.	
12	Khi có vấn đề khiếu nại (về lịch trực, nhận tiền): + Tổ hòa giải khiếu nại sẽ gửi thông báo tới Ủy ban nhân dân xã để giải quyết; + Tổ sẽ giải quyết ở cộng đồng thôn làng (thôn trưởng chịu trách nhiệm), nếu hòa giải thành công thì không cần đến sự can thiệp của Ủy ban nhân dân xã; + Nếu việc hòa giải ở cộng đồng không thành thì sẽ chuyển lên Ủy ban nhân dân xã. Đối với việc bán Carbon: + Xảy ra mâu thuẫn trong cộng đồng không có vì là nhận khoán trong cộng đồng làng; + Nếu xảy ra mâu thuẫn vì lợi ích thì có thể là do: tham gia ngày công tuần tra ít dẫn đến quyền lợi ít, dẫn đến là xảy ra mâu thuẫn; + Giải pháp đề xuất xử lý mâu thuẫn: tiến hành tổ chức họp tổ. Nếu không giải quyết được sẽ tiếp tục mời tổ hòa giải của làng để giải quyết và sau đó tiếp tục đến cấp xã.	L. Kong Chro ³
13	Khi xảy ra tranh chấp liên quan đến dịch vụ môi trường rừng: - Tiến hành hòa giải tại cộng đồng (tại nhà sinh hoạt cộng đồng); + Trưởng thôn chủ trì, hệ thống chính trị của thôn, làng cùng các bên liên quan tiến hành họp và cử thư ký lập biên bản và công bố, công khai tại phòng sinh hoạt cộng đồng để người dân và các nhóm biết việc hòa giải diễn ra như thế nào? + Nếu hòa giải không thành, đại diện cộng đồng làm báo cáo lên chính quyền địa phương cấp xã. + Chính quyền cấp xã gồm: (2) Chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân; (3) Kiểm lâm địa bàn (4) Các bên chuyên môn như: địa chính và các ban ngành có liên quan. Người chủ trì tổ chức lập biên bản và thông qua tại cuộc họp, thông báo kết quả giải quyết tại cuộc họp thôn, làng gần nhất biết.	L. Mang Yang ³

14	- Đảm bảo thực hiện hoà giải tại cơ sở tất cả các tranh chấp có liên quan. - Về cơ chế phản hồi: Thực hiện công khai theo các kênh: qua trưởng thôn, qua xã, cán bộ kiểm lâm.	1. Ba To ⁵
15	Khi có khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm theo Hợp đồng giao khoán, Chủ rừng mời người vi phạm đến nhà văn hoá thôn, lập biên bản và giải thích về hành vi vi phạm và yêu cầu ký cam kết không tái phạm; Khi có khiếu nại của các bên thì tổ chức hoà giải cấp thôn trước nếu vượt thẩm quyền thì chuyển tổ hoà giải cấp xã; Tổ hoà giải có ghi chép, lập biên bản và công bố kết quả hoà giải (niêm yết tại nhà văn hoá thôn và xã).	1. Vĩnh Thạnh ⁶
16	Tạo nhiều kênh thông tin bao gồm các kênh chính thức và không chính thức. Hoạt động giải quyết ưu tiên thông qua quá trình đối thoại giữa các bên, hòa giải, phân xử các tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến việc hoạt động các dự án REDD+.	1. Tây Hòa ⁷
17	Các báo cáo, kết quả đều được lưu giữ tại phòng ban chức năng. Cơ chế thực hiện: Tiếp nhận thông tin > xác minh thông tin 2 bên, người chứng kiến > có kết quả > cấp thôn giải quyết > xã... > giải quyết trên cơ sở pháp luật, kiến thức địa phương, phong tục tập quán. Vấn đề bình đẳng giới: có sự tôn trọng trong vấn đề tham gia xây dựng; Có sổ sách ghi chép, kế hoạch chi trả cho các hộ gia đình khi tham gia vào hoạt động quản lý và bảo vệ rừng ở cộng đồng.	1. Ninh Hải ¹⁰
18	Cần giải quyết khiếu nại thông qua đối thoại trực tiếp đối với các cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng bị ảnh hưởng về quyền lợi mà đang khiếu nại. Phải có các quy định, nguyên tắc cụ thể với những nội dung giải trình sát với tình hình thực tế đối với từng hoạt động dựa trên các nguyên tắc ART-TREES đã đặt ra.	1. Ninh Sơn ¹⁰

19	- Cơ quan hoà giải khi có khiếu nại: Theo quy chế hoà giải địa phương (Quy chế dân chủ cơ sở; Hương ước, quy ước của Thôn) từ thôn đến xã có sự tham gia của chủ rừng. - Trình tự và cách thức giải quyết khi có khiếu nại tố cáo: (1) Người khiếu nại có đơn gửi UBND xã. Xã nhận được đơn xem xét theo thẩm quyền (hoà giải cấp thôn) sẽ chuyển đơn về thôn/ấp cho tổ hoà giải cấp thôn xử lý. Mời người đứng đơn, người bị khiếu nại và những người có liên quan khác tham gia họp tổ hoà giải. (2) Trình tự và kết quả hoà giải được ghi thành biên bản, công khai niêm yết tại nhà văn hoá Thôn. (3) Nếu hoà giải cấp Thôn không thành thì sẽ chuyển chuyển đơn khiếu nại và biên bản hoà giải cấp thôn cho xã tiếp nhận giải quyết. (4) Cấp xã hoà giải thành công thì công khai kết quả và biên bản hoà giải trên phương tiện truyền thanh xã và niêm yết kết quả tại UBND xã. (5) Nếu không thành công xã sẽ chuyển hồ sơ lên cấp huyện xử lý theo pháp luật.	1. Hàm Thuận Nam ¹¹
----	--	--------------------------------

Nhận xét chung: Về cơ chế khiếu nại tố cáo cấp cơ sở, do đã có một số văn bản hướng dẫn nên các huyện chia sẻ về thông tin, quy trình tương đối giống nhau. Việc xử lý sẽ bắt đầu từ cấp thấp và ưu tiên hoà giải, trường hợp không thể hoà giải thì chuyển lên cấp cao hơn. Trong quá trình đó phải đảm bảo tính minh bạch, công khai và được ghi chép trong văn bản đầy đủ. Các huyện cũng nhấn mạnh về sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan để việc hoà giải được công bằng nhất. Tuy nhiên, thực tế các huyện tham vấn chưa từng phải xử lý một vụ việc cụ thể nào liên quan đến dự án REDD+.

3.2.3. Kết quả tham vấn cấp tỉnh

a. Về nội dung đảm bảo an toàn

Bảng 3.17. Tóm tắt kết quả tham vấn về nội dung Đảm bảo an toàn (các Nguyên tắc Safeguards) tại các Hội thảo tham vấn cấp tỉnh

TT	Tỉnh	Nội dung Đảm bảo an toàn được đề cập
1	Lâm Đồng	<i>Bảo vệ tri thức địa phương về bảo vệ phát triển rừng và đa dạng sinh học</i> Hiện nay, thiếu thông tin liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng sinh kế, bảo tồn tri thức bản địa. Chương trình 1719 -

		Chương trình mục tiêu quốc gia đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã có hướng dẫn như Thông tư 01 của Ủy ban Dân tộc năm 2022 với các chỉ tiêu, chỉ tiêu giám sát. Hệ thống này được xây dựng để báo cáo thông tin từ cơ sở về văn phòng ban chỉ đạo. Hiện nay, UBND TP đang xây dựng cơ sở dữ liệu để bảo tồn tri thức bản địa.
2	Đắk Lắk	- Về tính minh bạch: Cần xây dựng và tích hợp nội dung này trong kế hoạch Bảo vệ và phát triển rừng của Tỉnh, huyện với sự đặc biệt và chủ chốt của phòng nông nghiệp huyện và hạt kiểm lâm địa bàn. Xây dựng các văn bản, hệ thống điện tử để thuận tiện trong quá trình triển khai từ cấp tỉnh xuống cấp xã. Thường xuyên họp thôn/buôn/bản để triển khai và làm rõ các nội dung liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện. Đầu mỗi tỉnh sẽ cho Chi cục kiểm lâm tổng hợp các kết quả thực hiện để thường xuyên báo cáo UBND tỉnh hàng tuần, hàng tháng, hàng quý và báo cáo theo từng năm triển khai. UBND tỉnh có vai trò thu thập và ghi nhận thông tin để xây dựng dự thảo tham vấn cùng các bên liên quan trước khi ban hành chính thức các văn bản. - Về quyền tham gia của cộng đồng địa phương trong giao đất giao rừng: Sẽ có những ưu tiên nhất định cho cộng đồng thiểu số trong quá trình giao đất giao rừng. Đặc biệt sẽ có những đánh giá định kỳ để khích lệ các cộng đồng có những kết quả tích cực trong quá trình quản lý các khu vực rừng được giao nhận. - Về các kiến thức bảo tồn, phát triển rừng: Đại biểu thống nhất Chi cục kiểm lâm sẽ là đầu mối trong việc quản lý cơ sở dữ liệu về công tác bảo tồn phát triển rừng nói riêng và bảo tồn đa dạng sinh học nói chung. Đồng thời, Sở Khoa học công nghệ cũng cần triển khai các hoạt động nghiên cứu và cấp kinh phí hàng năm cho các đề tài về bảo tồn, phát triển các nguồn gen quý, hay các mô hình phát triển rừng theo hướng bền vững.
3	Gia Lai	(1) Về Quyền tham gia của cộng đồng địa phương trong giao đất giao rừng: - Điều kiện tham gia, hộ gia đình phải có hộ khẩu rõ ràng và hợp pháp tại địa phương có rừng. Đặc biệt chưa từng tham gia các hoạt động giao đất giao rừng trước đây để đảm bảo tính công bằng.

		- Quá trình triển khai cần tôn trọng lịch sử quản lý rừng của cộng đồng và tuân thủ Điều 14/Luật Lâm nghiệp về nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng. - Phòng NN&PTNT cũng cần phối hợp với hạt kiểm lâm để lập đề xuất giao đất giao rừng dựa trên nhu cầu và nguyện vọng của người dân, sau đó trình Sở NN&PTNT xây dựng kế hoạch giao đất giao rừng và đưa vào các văn bản chính thức của Tỉnh. (2) Về các kiến thức bảo tồn, phát triển rừng: - Chi cục kiểm lâm sẽ là đầu mối trong việc quản lý cơ sở dữ liệu về công tác bảo tồn phát triển rừng nói riêng và bảo tồn đa dạng sinh học nói chung. Đồng thời, Sở Khoa học công nghệ cũng cần triển khai các hoạt động nghiên cứu và cấp kinh phí hàng năm cho các đề tài nghiên cứu có liên quan tới lĩnh vực bảo tồn và phát triển rừng
4	Kon Tum	(1) Về Quyền tham gia của cộng đồng địa phương trong giao đất giao rừng: - Hiện diện tích rừng của được quản lý là 52,000 ha và sẽ được bàn giao cho cộng đồng, hộ gia đình với những điều kiện nhất định. Điều kiện tham gia, hộ gia đình phải có hộ khẩu rõ ràng và hợp pháp tại địa phương có rừng. Đặc biệt chưa từng tham gia các hoạt động giao đất giao rừng trước đây để đảm bảo tính công bằng. - Quá trình triển khai cần tôn trọng lịch sử quản lý rừng của cộng đồng và tuân thủ Điều 14/Luật Lâm nghiệp về nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng. - Nếu dưới 30ha/hộ thì sẽ khoán bảo vệ. Từ 30ha/hộ sẽ xét và giao theo nguyện vọng đăng ký. - Phòng NN&PTNT cũng cần phối hợp với hạt kiểm lâm để lập đề xuất giao đất giao rừng dựa trên nhu cầu và nguyện vọng của người dân, sau đó trình Sở NN&PTNT xây dựng kế hoạch giao đất giao rừng và đưa vào các văn bản chính thức của Tỉnh. (2) Về các kiến thức bảo tồn, phát triển rừng: - Chi cục kiểm lâm sẽ là đầu mối trong việc quản lý cơ sở dữ liệu về công tác bảo tồn phát triển rừng nói riêng và bảo tồn đa dạng

		sinh học nói chung. Đồng thời, Sở Khoa học công nghệ cũng cần triển khai các hoạt động nghiên cứu và cấp kinh phí hàng năm cho các đề tài nghiên cứu có liên quan tới lĩnh vực bảo tồn và phát triển rừng.
5	Quảng Ngãi	Về các kiến thức bảo tồn, phát triển rừng: Đại biểu cho biết, hiện nay chi cục kiểm lâm tỉnh đang tham mưu cho Sở NN&PTNT để xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược đa dạng sinh học, dữ liệu đa dạng sinh học chủ yếu gắn liền với các vườn quốc gia.
6	Bình Định	Về các kiến thức bảo tồn, phát triển rừng: - Đại biểu cho biết, hiện nay chi cục kiểm lâm tỉnh đang tham mưu cho Sở NN&PTNT để xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược đa dạng sinh học, dữ liệu đa dạng sinh học chủ yếu gắn liền với các vườn quốc gia. Bên cạnh đó, Chi cục kiểm lâm là đầu mối trong việc quản lý cơ sở dữ liệu về công tác bảo tồn phát triển rừng nói riêng và bảo tồn đa dạng sinh học nói chung. Đồng thời, Sở Khoa học công nghệ cũng cần triển khai các hoạt động nghiên cứu và cấp kinh phí hàng năm cho các đề tài nghiên cứu có liên quan tới lĩnh vực bảo tồn và phát triển rừng.
7	Phú Yên	(1) Về Quyền tham gia của cộng đồng địa phương trong giao đất giao rừng: - Điều kiện tham gia, hộ gia đình phải có hộ khẩu rõ ràng và hợp pháp tại địa phương có rừng. Đặc biệt chưa từng tham gia các hoạt động giao đất giao rừng trước đây để đảm bảo tính công bằng. - Quá trình triển khai cần tuân thủ Điều 14/Luật Lâm nghiệp về nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng. - Phòng NN&PTNT cũng cần phối hợp với hạt kiểm lâm để lập đề xuất giao đất giao rừng dựa trên nhu cầu và nguyện vọng của người dân, sau đó trình Sở NN&PTNT xây dựng kế hoạch giao đất giao rừng và đưa vào các văn bản chính thức của Tỉnh. (2) Về các kiến thức bảo tồn, phát triển rừng: Chi cục kiểm lâm sẽ là đầu mối trong việc quản lý cơ sở dữ liệu về công tác bảo tồn phát triển rừng nói riêng và bảo tồn đa dạng sinh

		học nói chung. Đồng thời, Sở Khoa học công nghệ cũng cần triển khai các hoạt động nghiên cứu và cấp kinh phí hàng năm cho các đề tài nghiên cứu có liên quan tới lĩnh vực bảo tồn và phát triển rừng.
8	Đắk Nông	Bảo vệ tri thức bản địa và nguồn gen địa phương: Tỉnh có chương trình rà soát và thu thập dữ liệu về các nguồn gen chủ yếu là cây dược liệu (điều tra cây thuốc và phân vùng dược liệu), xây dựng đề án bảo tồn nhưng thiếu nguồn lực để hỗ trợ và thực hiện. Hiện nay đang thực hiện thí điểm trồng sâm cau dưới tán rừng tại Krông Nô.
9	Khánh Hoà	(1) Về Quyền tham gia của cộng đồng địa phương trong giao đất giao rừng: - Hộ gia đình phải có hộ khẩu rõ ràng và hợp pháp tại địa phương có rừng. - Quá trình triển khai cần tuân thủ Điều 14/Luật Lâm nghiệp về nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng. - Tỉnh Khánh Hòa đã khoán rừng cho người dân tộc theo quyết định 1719 được 9,500 ha. Các chủ rừng (BQL rừng) xây dựng hồ sơ và danh sách hộ trong khu vực, các hộ đăng ký nhận khoán và ký hợp đồng với các nội dung về quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan. Có tổ chức họp tham vấn giữa các chủ rừng, UBND xã và các hộ dân liên quan. (2) Về các kiến thức bảo tồn, phát triển rừng: - Chi cục kiểm lâm sẽ là đầu mối trong việc quản lý cơ sở dữ liệu về công tác bảo tồn phát triển rừng nói riêng và bảo tồn đa dạng sinh học nói chung. Đặc biệt tham mưu, phối hợp với Sở Khoa học công nghệ để triển khai các hoạt động nghiên cứu và xin cấp kinh phí hàng năm cho các đề tài nghiên cứu có liên quan tới lĩnh vực bảo tồn và phát triển rừng.
10	Ninh Thuận	(1) Quyền tham gia của cộng đồng địa phương trong giao đất giao rừng

		- Hộ gia đình phải có hộ khẩu rõ ràng và hợp pháp tại địa phương có rừng. - Chi cục Lâm nghiệp xây dựng phương án, gửi thông tin xuống địa phương và tiến hành họp dân để thông báo. UBND xã sẽ danh sách theo nguyện vọng của các hộ dân, các hộ nông dân hình thành từng tổ nhóm để tham gia nhận khoán kèm theo trách nhiệm cụ thể. (2) Về các kiến thức bảo tồn, phát triển rừng: - Sở Khoa học công nghệ cũng cần triển khai các hoạt động nghiên cứu và cấp kinh phí hàng năm cho các đề tài nghiên cứu có liên quan tới lĩnh vực bảo tồn và phát triển rừng. - Chi cục kiểm lâm sẽ là đầu mối trong việc quản lý cơ sở dữ liệu về công tác bảo tồn phát triển rừng nói riêng và bảo tồn đa dạng sinh học nói chung. - Tỉnh Ninh Thuận cũng đang xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược đa dạng sinh học, dữ liệu đa dạng sinh học chủ yếu gắn liền với các vườn quốc gia.
11	Bình Thuận	(1) Quyền tham gia của cộng đồng địa phương trong giao đất giao rừng - Hiện tại, tỉnh Bình Thuận đã thực hiện khoán rừng cho người dân tộc theo quyết định 1719. Tổng diện tích khoán là 39,000 ha. Các chủ rừng (BQL rừng) xây dựng hồ sơ và danh sách hộ trong khu vực, các hộ đăng ký nhận khoán và ký hợp đồng với các nội dung về quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan. Có tổ chức họp tham vấn giữa các chủ rừng, UBND xã và các hộ dân liên quan. (2) Về các kiến thức bảo tồn, phát triển rừng: - Sở Khoa học công nghệ cũng cần triển khai các hoạt động nghiên cứu và cấp kinh phí hàng năm cho các đề tài nghiên cứu có liên quan tới lĩnh vực bảo tồn và phát triển rừng. - Chi cục kiểm lâm sẽ là đầu mối trong việc quản lý cơ sở dữ liệu về công tác bảo tồn phát triển rừng nói riêng và bảo tồn đa dạng sinh học nói chung.

b. Về nội dung Chia sẻ lợi ích và giải quyết khiếu nại tố cáo

(1) Phương án chia sẻ lợi ích

Bảng 3.18. Tóm tắt kết quả tham vấn về Phương án chia sẻ lợi ích được lựa chọn tại các Hội thảo tham vấn cấp tỉnh

TT	Tỉnh	Phương án chia sẻ lợi ích được lựa chọn nhiều nhất
1	Đắk Lắk	Đại biểu tham gia thảo luận đều thống nhất lựa chọn Phương án 1 vì tiến hành triển khai thuận lợi, dễ xác định các đối tượng hưởng lợi. Đặc biệt phương án này gần giống các phương án chia trả dịch vụ môi trường rừng và tỉnh đang áp dụng.
2	Gia Lai	Đại biểu tham gia thảo luận đều thống nhất lựa chọn Phương án 1 đây là phương án tối ưu và hiệu quả hơn. Phương án chia sẻ lợi ích này ưu tiên quyền cho chủ rừng, đồng thời bổ sung đối tượng nhận khoán cho người dân (những người sống gần rừng) và địa giới hành chính. Diện tích nhận khoán cho mỗi hộ trên 30 ha và còn có kinh phí hỗ trợ cho thôn, làng, xã để quản lý rừng.
3	Kon Tum	Hiện nay, các chủ rừng đã có Phương án Quản lý và bảo vệ rừng được UBND tỉnh phê duyệt, trong đó đã bao gồm chi tiết kế hoạch khoán bảo vệ rừng (số lượng, diện tích khoán chi tiết). Vì vậy áp dụng Phương án 1 trong quá trình chia sẻ lợi ích sẽ rất thuận tiện. Bên cạnh đó, các đơn vị quản lý còn có thể kế thừa một số quy định hiện hành và không phát sinh thủ tục mới so với quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP. Phương án 2 chỉ phù hợp với các đơn vị chưa khoán. Tuy nhiên, tùy tình hình cụ thể, nếu có cơ chế cho phép, các đại biểu cũng nhất trí chấp thuận các hoạt động hỗ trợ cơ quan địa phương trong quá trình phối hợp Quản lý bảo vệ rừng
4	Quảng Ngãi	Đại biểu tham gia thảo luận đều thống nhất lựa chọn Phương án 1 vì tiến hành triển khai thuận lợi, dễ xác định các đối tượng hưởng lợi. Đặc biệt phương án này gần giống các phương án chia trả dịch vụ môi trường rừng và tỉnh đang áp dụng
5	Bình Định	Đại biểu tham gia thảo luận đều thống nhất lựa chọn Phương án 1 vì

		- Kế thừa một số quy định và không phát sinh thủ tục mới so với quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP. - Không phải xây dựng VBPL mới trình Chính phủ xem xét, phê duyệt. - Tiến hành triển khai thuận lợi, dễ xác định được đối tượng hưởng lợi.
6	Phú Yên	Lựa chọn Phương án 1. Lý do: phù hợp với quy định tại Nghị định 156 về đối tượng được hưởng lợi dịch vụ môi trường rừng nói chung; mặt khác, theo Nghị định Số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21/6 /2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, các chủ rừng là ban quản lý rừng được thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tổ chức quản lý, bảo vệ rừng được Nhà nước giao và được quản lý, sử dụng nguồn thu của Ban quản lý, trong đó có nguồn thu mới từ bán tín chỉ các-bon. Ban quản lý rừng chỉ khoán bảo vệ rừng cho dân ở những nơi cần thiết và người dân có nguyện vọng, có khả năng tổ chức việc bảo vệ rừng tốt. Ban quản lý có thể thành lập các tổ, đội bảo vệ rừng chuyên trách thông qua hình thức thuê lao động thời vụ sẽ hiệu quả hơn. Theo một số ý kiến, có nơi người dân nhận khoán bảo vệ rừng nhưng rừng vẫn bị xâm hại, họ chưa thật sự nhiệt tình do tiền công khoán quá thấp, khi mất rừng ban quản lý rừng vẫn là người chịu trách nhiệm mặc dù trong hợp đồng khoán đã ghi rõ trách nhiệm của bên nhận khoán nếu để mất rừng nhận khoán.
7	Đắk Nông	Nhóm thảo luận đã lựa chọn Phương án 2 với các ưu điểm: Đang được áp dụng thí điểm tại vùng Bắc Trung bộ, mở rộng đối tượng hưởng lợi, gắn kết chủ rừng là tổ chức nhà nước với cộng đồng dân cư sống gần rừng. Việc áp dụng phương án này có thể dễ dàng được tham khảo từ khu vực Bắc Trung bộ, đặc biệt không phải sinh thủ tục mới và không phải xây dựng văn bản pháp luật mới.
8	Khánh Hoà	Lựa chọn Phương án 1. Vì đây là phương án phù hợp với quy định tại Nghị định 156 về đối tượng được hưởng lợi dịch vụ môi trường rừng nói chung; các chủ rừng là tổ chức nhà nước chịu trách nhiệm trước nhà nước về rừng và họ là người biết rõ chỗ nào cần khoán bảo vệ rừng cho dân; Tuy nhiên, cần bổ sung vào phương án 1, như: trong kinh phí trích 10% tại Quỹ BV&PTR cấp tỉnh được chi cho các hoạt

		động của kiểm lâm cấp tỉnh, cấp huyện; kiểm lâm địa bàn để cập nhật, cung cấp số liệu diễn biến rừng hằng năm, lập bản đồ chi trả dịch vụ các -bon, tham gia kiểm tra, giám sát chi trả dịch vụ các-bon; hỗ trợ UBND cấp xã tham gia vào công tác kiểm tra, giám sát; tuyên truyền...
9	Ninh Thuận	Phương án 1 được tất cả thành viên lựa chọn vì phù hợp với quy định tại Nghị định 156 về đối tượng được hưởng lợi dịch vụ môi trường rừng nói chung; các chủ rừng là tổ chức nhà nước chịu trách nhiệm trước nhà nước về rừng và họ là người biết rõ chỗ nào cần khoán bảo vệ rừng cho dân chủ rừng có thể tự tổ chức lực lượng bảo vệ rừng thông qua ký hợp đồng thuê lao động tại địa phương hoặc thành lập tổ bảo vệ rừng chuyên trách của mình.
10	Bình Thuận	Lựa chọn Phương án 1 . Lý do: phù hợp với quy định tại Nghị định 156 về đối tượng được hưởng lợi dịch vụ môi trường rừng nói chung; các chủ rừng là tổ chức nhà nước chịu trách nhiệm trước nhà nước về rừng và họ là người biết rõ chỗ nào cần khoán bảo vệ rừng cho dân (ví dụ: hộ có kinh nghiệm, có nguyện vọng bảo vệ rừng, có lực lượng lao động để tham gia vào tuần tra rừng,...); chủ rừng có thể tự tổ chức lực lượng bảo vệ rừng thông qua ký hợp đồng thuê lao động tại địa phương hoặc thành lập tổ bảo vệ rừng chuyên trách của mình. Tuy nhiên, cần bổ sung vào phương án 1, như: trong kinh phí trích 10% tại Quỹ BV&PTR cấp tỉnh được chi cho các hoạt động của kiểm lâm cấp tỉnh, cấp huyện; kiểm lâm địa bàn để cập nhật, cung cấp số liệu diễn biến rừng hằng năm, lập bản đồ chi trả dịch vụ các -bon, tham gia kiểm tra, giám sát chi trả dịch vụ các-bon; hỗ trợ UBND cấp xã tham gia vào công tác kiểm tra, giám sát; tuyên truyền...Nhận đơn, tổ nhận đơn tiến hành xem xét, kiểm tra thông tin, Thành lập tổ hoà giải, phân tích đúng sai (2 bên đồng thuận hoà giải thì kết luận hoà giải, không đồng thuận thì chuyển cấp trên; - Tổ hoà giải lập biên bản hoà giải và công khai kết quả ngay sau buổi hoà giải. - Cấp xã mà có người dân khiếu nại (Chủ tịch xã mà không bị KN sẽ tiếp nhận xử lý, TH đơn thư khiếu nại lãnh đạo xã thì chuyển cấp Huyện xử lý. Kết quả khiếu nại đều được ghi biên bản và công khai ngay sau khi có kết luận

(2) Các tiêu chí điều phối nguồn thu từ quỹ TW về quỹ tỉnh

Bảng 3.19. Tóm tắt kết quả tham vấn về Tiêu chí điều phối nguồn thu từ quỹ Trung ương về quỹ Tỉnh tại Hội thảo tham vấn cấp tỉnh

TT	Tỉnh	Các tiêu chí
1	Đắk Lắk	Nguồn tiền sẽ phân từ Quỹ tỉnh về các chủ rừng. Kinh phí 10% của quỹ tỉnh và chủ rừng (10% khoán). Chi phí làm thêm ngoài giờ điều 70 Nghị Định 156 với các đối tượng hưởng theo quy định.
2	Gia Lai	Nguồn tiền sẽ phân từ Quỹ tỉnh về các chủ rừng. Kinh phí 10% của quỹ tỉnh và chủ rừng (10% khoán). Chi phí làm thêm ngoài giờ điều 70 Nghị Định 156 với các đối tượng hưởng theo quy định.
3	Kon Tum	Các đại biểu nhất trí đề nghị dựa vào diện tích rừng tự nhiên của từng chủ rừng. Có ý kiến đề nghị cần bổ sung thêm tiêu chí về chất lượng rừng (giàu, nghèo, trung bình); tuy nhiên nếu bổ sung thêm tiêu chí chất lượng rừng sẽ phát sinh nhiều chi phí chủ rừng phải chịu và có thể cũng không chính xác và khó được các chủ rừng chấp thuận.
4	Quảng Ngãi	Nguồn tiền sẽ phân từ Quỹ tỉnh về các chủ rừng. Kinh phí 10% của quỹ tỉnh và chủ rừng (10% khoán). Chi phí làm thêm ngoài giờ điều 70 Nghị Định 156 với các đối tượng hưởng theo quy định.
5	Bình Định	- Dựa vào diện tích rừng thực tế đo đạc và báo cáo trong báo cáo diễn biến tài nguyên rừng của huyện, tỉnh. Không tính chất lượng rừng và cũng không áp dụng hệ số K - Nguồn tiền sẽ phân từ Quỹ tỉnh về các chủ rừng. Kinh phí 10% của quỹ tỉnh và chủ rừng (10% khoán). Chi phí làm thêm ngoài giờ điều 70 Nghị Định 156 với các đối tượng hưởng theo quy định.
6	Phú Yên	Đề nghị dựa vào 2 tiêu chí: diện tích rừng tự nhiên và kết quả giảm phát thải của từng tỉnh. Một vài ý kiến đề nghị phải tính thêm hệ số K để đảm bảo tính công bằng giữa các tỉnh; tuy nhiên nếu bổ sung thêm hệ số K sẽ phát sinh nhiều chi phí và có thể cũng không chính xác, ảnh hưởng đến thu nhập của người trực tiếp bảo vệ rừng.

7	Đắk Nông	Nguồn tiền sẽ phân từ Quỹ tỉnh về các chủ rừng. Kinh phí 10% của quỹ tỉnh và chủ rừng (10% khoán). Chi phí làm thêm ngoài giờ điều 70 Nghị Định 156 với các đối tượng hưởng theo quy định.
8	Khánh Hoà	Các đại biểu đã thống nhất 2 tiêu chí: diện tích rừng tự nhiên và kết quả giảm phát thải của từng tỉnh. Không sử dụng hệ số K và nên chú ý tới chất lượng rừng. Một vài ý kiến đề nghị chỉ nên căn cứ vào diện tích rừng tự nhiên của từng tỉnh, vì việc xác định kết quả giảm phát thải của từng tỉnh sẽ phát sinh nhiều chi phí, ảnh hưởng đến tiền chi trả cho người hưởng lợi cuối cùng.
9	Ninh Thuận	Các đại biểu đã thống nhất 2 tiêu chí: diện tích rừng tự nhiên và kết quả giảm phát thải của từng tỉnh. Một vài ý kiến đề nghị chỉ nên căn cứ vào diện tích rừng tự nhiên của từng tỉnh, vì việc xác định kết quả giảm phát thải của từng tỉnh sẽ phát sinh nhiều chi phí, ảnh hưởng đến tiền chi trả cho người hưởng lợi cuối cùng.
10	Bình Thuận	Các đại biểu đã thống nhất 2 tiêu chí: diện tích rừng tự nhiên và kết quả giảm phát thải của từng tỉnh. Một vài ý kiến đề nghị chỉ nên căn cứ vào diện tích rừng tự nhiên của từng tỉnh, vì việc xác định kết quả giảm phát thải của từng tỉnh sẽ phát sinh nhiều chi phí, ảnh hưởng đến tiền chi trả cho người hưởng lợi cuối cùng

(3) Các tiêu chí Tiêu chí khoán và tiêu chí chi trả

Bảng 3.20. Tóm tắt kết quả tham vấn về Tiêu chí khoán và chi trả tại Hội thảo cấp tỉnh

TT	Tỉnh	Tiêu chí khoán	Tiêu chí chi trả
1	Lâm Đồng	Hiện nay, chúng tôi vẫn đang theo phương thức bình đẳng hóa. Đối với PFES, chúng tôi đang áp dụng rộng rãi và chúng tôi hy vọng rằng các tiêu chí để ký hợp đồng sẽ rõ ràng hơn. Với những tiêu chí này, tỉnh và chủ rừng sẽ biết ai xứng đáng nhận hợp đồng rừng và có thể bảo vệ rừng tốt nhất. Một danh sách các tiêu chí sẽ là cần thiết để lựa chọn.	

2	Đắk Lắk	Theo Nghị Định 168 tiêu chí khoản 1 đối tượng không được ký 2 hợp đồng theo Điều 4 của Nghị định 168.	Dựa vào diện tích rừng thực tế đo đạc và báo cáo trong báo cáo diễn biến tài nguyên rừng của huyện, tỉnh. Không tính chất lượng rừng và cũng không áp dụng hệ số K
3	Gia Lai	Theo Nghị Định 168 tiêu chí khoản 1 đối tượng không được ký 2 hợp đồng theo Điều 4 của Nghị định 168.	Tiêu chí chi trả cho các hộ chủ rừng sẽ dựa vào diện tích rừng thực tế đo đạc và báo cáo trong báo cáo diễn biến tài nguyên rừng của huyện, tỉnh. Không tính chất lượng rừng và cũng không áp dụng hệ số K
4	Quảng Ngãi	Theo Nghị Định 168 tiêu chí khoản 1 đối tượng không được ký 2 hợp đồng theo Điều 4 của Nghị định 168.	Dựa vào diện tích rừng thực tế đo đạc và báo cáo trong báo cáo diễn biến tài nguyên rừng của huyện, tỉnh. Không tính chất lượng rừng và cũng không áp dụng hệ số K
5	Bình Định	Theo Nghị Định 168 tiêu chí khoản 1 đối tượng không được ký 2 hợp đồng theo Điều 4 của Nghị định 168	
6	Phú Yên	Về tiêu chí điều phối nguồn thu từ quỹ của tỉnh đến các chủ rừng: Đề nghị dựa vào diện tích rừng tự nhiên của từng chủ rừng, vì hằng năm các tỉnh cập nhật diễn biến rừng, có thể kế thừa diện tích rừng làm cơ sở thanh toán cho dịch vụ điều tiết nước, bảo vệ đất.	
7	Đắk Nông	Dựa vào diện tích rừng thực tế đo đạc và báo cáo trong báo cáo diễn biến tài nguyên rừng của huyện, tỉnh. Không tính chất lượng rừng và cũng không áp dụng hệ số K. Khoản theo Nghị Định 168 tiêu chí khoản 1 đối tượng không được ký 2 hợp đồng theo Điều 4 của Nghị định 168.	Áp dụng các văn bản quy phạm hiện hành để tránh xung đột về lợi ích của các chủ rừng

8	Khánh Hoà	<i>Về tiêu chí điều phối nguồn thu từ quỹ của tỉnh đến các chủ rừng:</i> Phần lớn đại biểu thống nhất tiêu chí dựa vào diện tích rừng tự nhiên của từng chủ rừng. Có ý kiến đề nghị cần bổ sung thêm tiêu chí về chất lượng rừng (giàu, nghèo, trung bình); tuy nhiên nếu bổ sung thêm tiêu chí chất lượng rừng sẽ phát sinh nhiều chi phí chủ rừng phải chịu và có thể cũng không chính xác và khó được các chủ rừng chấp thuận.	
9	Ninh Thuận	<i>Về tiêu chí điều phối nguồn thu từ quỹ của tỉnh đến các chủ rừng:</i> Tất cả 100% đại biểu thống nhất tiêu chí dựa vào diện tích rừng tự nhiên của từng chủ rừng. Có ý kiến đề nghị cần bổ sung thêm tiêu chí về chất lượng rừng (giàu, nghèo, trung bình); tuy nhiên nếu bổ sung thêm tiêu chí chất lượng rừng sẽ phát sinh nhiều chi phí chủ rừng phải chịu và có thể cũng không chính xác và khó được các chủ rừng chấp thuận.	
10	Bình Thuận	<i>Về tiêu chí điều phối nguồn thu từ quỹ của tỉnh đến các chủ rừng:</i> Tất cả 100% đại biểu thống nhất tiêu chí dựa vào diện tích rừng tự nhiên của từng chủ rừng. Có ý kiến đề nghị cần bổ sung thêm tiêu chí về chất lượng rừng (giàu, nghèo, trung bình); tuy nhiên nếu bổ sung thêm tiêu chí chất lượng rừng sẽ phát sinh nhiều chi phí chủ rừng phải chịu và có thể cũng không chính xác và khó được các chủ rừng chấp thuận.	

(4) Về cơ chế giải quyết khiếu nại/hòa giải

Bảng 3.21. Tóm tắt kết quả tham vấn về Cơ chế giải quyết khiếu nại/hòa giải tại Hội thảo tham vấn cấp tỉnh

TT	Tỉnh	Hệ thống xử lý khiếu nại
1	Lâm Đồng	Hầu hết các trường hợp tập trung vào hòa giải về vấn đề người dân được bán đất khi được cấp lần thứ nhất hay lần thứ hai. Khi có khiếu nại, phản hồi liên quan đến hòa giải, người hòa giải (tổ dân phố, trưởng thôn...) đóng vai trò quan trọng trong quá trình hòa giải ở cơ sở.
2	Đắk Lắk	Dựa vào các điều khoản có sẵn theo Luật khiếu nại năm 2013, Luật đất đai, Luật lâm nghiệp, Luật hòa giải để vận động và xử lý các trường hợp khiếu nại tại các cơ sở Lâm nghiệp trên địa bàn Tỉnh
3	Gia Lai	Về Hệ thống xử lý khiếu nại: - Phân cấp tiếp nhận thông tin khiếu nại từ thôn, xã, huyện, tỉnh. Các cán bộ và bộ phận có chức năng tiếp nhận và xử lý thông tin theo đúng trách nhiệm và phạm vi công việc của mình. - Các khiếu nại có mức độ phức tạp cao, cần thông báo cho các cấp quản lý để tiếp nhận và xử lý kịp thời. Tránh việc tranh chấp và xử lý tranh chấp chậm chạp và thiếu hiệu quả. - Việc xử lý dựa vào các điều khoản có sẵn theo Luật khiếu nại năm 2013, Luật đất đai, Luật lâm nghiệp, Luật hòa giải để vận động và xử lý các trường hợp khiếu nại tại các cơ sở Lâm nghiệp của Tỉnh
4	Kon Tum	Cơ chế giải quyết khiếu nại: các cấp bậc giải quyết, các Luật và cơ chế phản hồi REDD+.
5	Quảng Ngãi	Thực hiện phân cấp, tại xã, thôn có các Ban hòa giải với đại diện từ Hội nông dân, hội phụ nữ. Có báo cáo chung và báo cáo chuyên ngành nhưng chỉ gửi các bên liên quan (tiếp cận có điều kiện).
6	Bình Định	- Nhóm thống nhất ý kiến sẽ phân cấp tiếp nhận thông tin khiếu nại từ thôn, xã, huyện, tỉnh. Các cán bộ và bộ phận có chức năng tiếp nhận và xử lý thông tin theo đúng trách nhiệm và phạm vi công việc của mình. - Các khiếu nại có mức độ phức tạp cao, cần thông báo cho các cấp quản lý để tiếp nhận và xử lý kịp thời. Tránh việc tranh chấp và xử lý tranh chấp chậm chạp và thiếu hiệu quả.
7	Phú Yên	- Phân cấp hệ thống tiếp nhận thông tin khiếu nại từ thôn, xã, huyện, tỉnh. Các cán bộ và bộ phận có chức năng tiếp nhận và xử lý thông tin

		theo đúng trách nhiệm và phạm vi công việc của mình. Đặc biệt cần có những ngày và khung giờ để gặp mặt và lắng nghe phản ánh từ người dân đều đặn để kịp thời nắm bắt thông tin. - Các khiếu nại có mức độ phức tạp cao, vượt quá thẩm quyền của cấp quản lý, cần thông báo cho các cấp quản lý để tiếp nhận và xử lý kịp thời. Tránh việc tranh chấp và xử lý tranh chấp chậm chạp và thiếu hiệu quả. - Việc xử lý dựa vào các điều khoản có sẵn theo Luật khiếu nại năm 2013, Luật đất đai, Luật lâm nghiệp, Luật hòa giải để vận động và xử lý các trường hợp khiếu nại tại các cơ sở Lâm nghiệp của Tỉnh.
8	Đắk Nông	áp dụng theo các quy định pháp luật, các thôn, xã đều có các tổ hòa giải. Các cơ quan chính quyền địa phương đều có lịch tiếp dân để nhận các phản hồi. Khi các tổ hòa giải địa phương giải quyết nhưng còn tranh chấp sẽ chuyển lên cơ quan cao hơn như UBND huyện, tỉnh.
9	Khánh Hoà	Việc xử lý dựa vào các điều khoản có sẵn theo Luật khiếu nại năm 2013, Luật đất đai, Luật lâm nghiệp, Luật hòa giải để vận động và xử lý các trường hợp khiếu nại tại các cơ sở Lâm nghiệp của Tỉnh Phân cấp hệ thống tiếp nhận thông tin khiếu nại từ thôn, xã, huyện, tỉnh. Các cán bộ và bộ phận có chức năng tiếp nhận và xử lý thông tin theo đúng trách nhiệm và phạm vi công việc của mình. Đặc biệt cần có những ngày và khung giờ để gặp mặt và lắng nghe phản ánh từ người dân đều đặn để kịp thời nắm bắt thông tin. Các khiếu nại có mức độ phức tạp cao, vượt quá thẩm quyền của cấp quản lý, cần thông báo cho các cấp quản lý để tiếp nhận và xử lý kịp thời. Tránh việc tranh chấp và xử lý tranh chấp chậm chạp và thiếu hiệu quả.
10	Ninh Thuận	Việc xử lý dựa vào các điều khoản có sẵn theo Luật khiếu nại năm 2013, Luật đất đai, Luật lâm nghiệp, Luật hòa giải để vận động và xử lý các trường hợp khiếu nại tại các cơ sở Lâm nghiệp của Tỉnh Thực hiện phân cấp, tại xã, thôn có các Ban hòa giải với đại diện từ Hội nông dân, hội phụ nữ. Có báo cáo chung và báo cáo chuyên ngành nhưng chỉ gửi các bên liên quan (tiếp cận có điều kiện).

11	Bình Thuận	- Việc xử lý dựa vào các điều khoản có sẵn theo Luật khiếu nại năm 2013, Luật đất đai, Luật lâm nghiệp, Luật hòa giải để vận động và xử lý các trường hợp khiếu nại tại các cơ sở Lâm nghiệp của Tỉnh - Phân cấp hệ thống tiếp nhận thông tin khiếu nại từ thôn, xã, huyện, tỉnh. Các cán bộ và bộ phận có chức năng tiếp nhận và xử lý thông tin theo đúng trách nhiệm và phạm vi công việc của mình. Đặc biệt cần có những ngày và khung giờ để gặp mặt và lắng nghe phản ánh từ người dân đều đặn để kịp thời nắm bắt thông tin. - Các khiếu nại có mức độ phức tạp cao, vượt quá thẩm quyền của cấp quản lý, cần thông báo cho các cấp quản lý để tiếp nhận và xử lý kịp thời. Tránh việc tranh chấp và xử lý tranh chấp chậm chạp và thiếu hiệu quả.
----	-------------------	---

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO CÁC CẤP

Chương trình Hội thảo cấp cơ sở (huyện)

TT	Nội dung	Trách nhiệm
1	Đăng ký đại biểu	Ban tổ chức
2	Giới thiệu đại biểu, mục đích, chương trình hội thảo	Nhóm Chuyên gia VNUF
3	Phát biểu khai mạc	UBND huyện
4	Giới thiệu về LEAF & các yêu cầu ART-TREES	Nhóm Chuyên gia VNUF
5	Các nguyên tắc Bảo đảm an toàn trong thực hiện các hoạt động REDD+ và Các cơ chế giải quyết khiếu nại phản hồi	Nhóm Chuyên gia VNUF
6	Các phương án chia sẻ lợi ích	Nhóm Chuyên gia VNUF
7	<i>Nghỉ giải lao</i>	Toàn thể đại biểu
8	Chia nhóm và Thảo luận (03 nhóm): - Nhóm 1: Thảo luận về Kế hoạch Chia sẻ lợi ích; - Nhóm 2: Thảo luận về Các nguyên tắc bảo đảm an toàn; - Nhóm 3: Thảo luận về Các cơ chế giải quyết khiếu nại và sự tham gia của các bên liên quan.	Đại biểu cấp huyện chia thành 03 nhóm lớn để thảo luận
9	- Trình bày kết quả thảo luận	Đại diện các nhóm thảo luận
	- Đề xuất các bước tiếp theo	UBND huyện, Chuyên gia VNUF
10	Kết luận và bế mạc hội thảo	UBND huyện, Chuyên gia VNUF

Chương trình Hội thảo cấp tỉnh

TT	Nội dung	Trách nhiệm
1	Đăng ký đại biểu	Ban tổ chức
2	Giới thiệu đại biểu và lý do, mục đích Hội thảo	Cục Lâm nghiệp
3	Phát biểu khai mạc	- Cục Lâm nghiệp - Sở NN&PTNT
4	Sáng kiến liên minh LEAF và đề xuất tham gia sáng kiến LEAF của Việt Nam	Cục Lâm nghiệp
5	Tiêu chuẩn ART-TREES	Chương trình UN – REDD
6	Thảo luận chung	Toàn thể đại biểu
7	Nội dung theo Tài liệu đăng ký TREES:	
	- Tính toán kết quả giảm phát thải	Viện Điều tra Quy hoạch rừng (FIPI)
	- Các nguyên tắc bảo đảm an toàn	Viện Chính sách & Chiến lược NN&PTNT (IPSARD)
	- Các Phương án chia sẻ lợi ích	Chuyên gia tư vấn
8	Thảo luận chung	Toàn thể đại biểu
9	<i>Nghỉ giải lao</i>	
10	Chia nhóm và Thảo luận (02 nhóm): - Nhóm 1: Thảo luận về Phương án Chia sẻ lợi ích; - Nhóm 2: Thảo luận về Các nguyên tắc bảo đảm an toàn (bao gồm nội dung: Cơ chế giải quyết khiếu nại và sự tham gia của các bên liên quan)	Toàn thể đại biểu
11	Trình bày kết quả thảo luận nhóm	Đại diện nhóm
12	Kết luận và bế mạc hội thảo	Cục Lâm nghiệp, Sở NN&PTNT
13	<i>Ăn trưa</i>	Toàn thể đại biểu

PHỤ LỤC 2: PHỤ LỤC HÌNH ẢNH

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TẠI CÁC HỘI THẢO CẤP CƠ SỞ

1. Tỉnh Lâm Đồng

1.1. Huyện Di Linh



1.2. Huyện Lâm Hà



1.3. Huyện Lạc Dương



Xã Đạ Chais



2. Tỉnh Đắk Lắk

2.1. Huyện Lắk



2.2. Huyện M'Drắk



2.3. Huyện Krông Bông



Xã Krông Na



3. Tỉnh Gia Lai

3.1. Huyện Kbang



3.2. Huyện Kong Chro



3.3. Huyện Mang Yang



4. Tỉnh Kon Tum

4.1. Tỉnh Sa Thầy



4.2. Huyện Tu Mơ Rông



4.3. Huyện Kon Plong



Xã Hiếu



5. Tỉnh Quảng Ngãi

5.1. Huyện Ba Tơ



5.2. Huyện Sơn Hà



5.3. Huyện Trà Bồng



Xã Ba Trang





6. Tỉnh Bình Định

6.1. Huyện An Lão



6.2. Huyện Hoài Ân



6.3. Huyện Vĩnh Thạnh



Xã Vĩnh Sơn

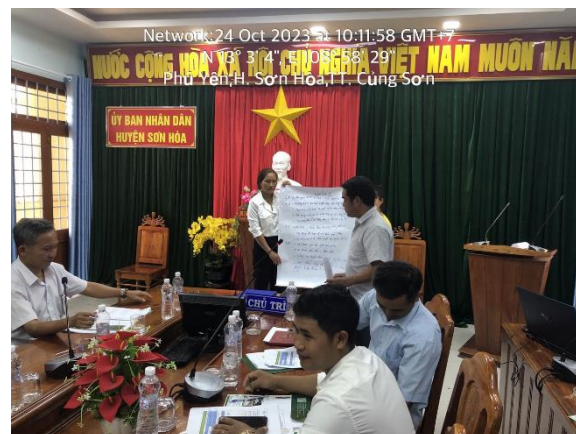


7. Tỉnh Phú Yên

7.1. Huyện Tây Hòa



7.2. Huyện Sơn Hòa



Xã Sơn Phước



8. Tỉnh Đắk Nông

8.1. Huyện Đắk Mil



8.2. huyện Đắk Glong



9. Tỉnh Ninh Thuận

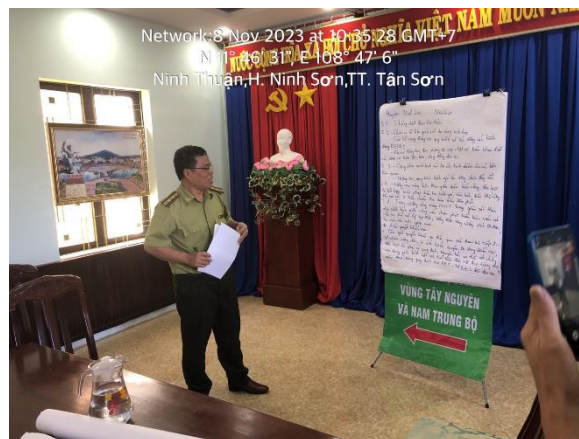
9.1. Huyện Ninh Phước



9.2. Huyện Ninh Hải



9.3. Huyện Ninh Sơn



Xã Lâm Sơn



10. Tỉnh Bình Thuận

10.1. Huyện Tánh Linh



10.2. Huyện Hàm Thuận Nam



11. Tỉnh Khánh Hòa

11.1. Huyện Khánh Vĩnh



11.2. Huyện Cam Lâm



PHỤ LỤC B: MỘT SỐ HÌNH ẢNH TẠI CÁC HỘI THẢO CẤP TỈNH

1. Tỉnh Lâm Đồng



2. Tỉnh Đắk Lắk



3. Tỉnh Gia Lai



4. Tỉnh Kon Tum



5. Tỉnh Quảng Ngãi



6. Tỉnh Bình Định



7. Tỉnh Phú Yên



8. Tỉnh Đắk Nông



9. Tỉnh Khánh Hòa



10. Tỉnh Ninh Thuận



11. Tỉnh Bình Thuận

